

LỜI MỞ ĐẦU

Việt nam đang trên đường hội nhập vào nền kinh tế thị trường, một môi trường mang tính cạnh tranh mạnh mẽ, đem lại nhiều cơ hội, song cũng không ít thách thức cho các doanh nghiệp. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng đổi mới mình cũng như mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, đặc biệt là các doanh nghiệp sản xuất. Do đó các doanh nghiệp phải không ngừng hoàn thiện và nâng cao cơ chế quản lý kinh tế, đặc biệt là công tác kế toán tài chính.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm đến đó là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp cần phải tổ chức tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp, có quản lý tốt công tác hạch toán kế toán. Vì đó là một trong những yếu tố quan trọng quyết định đến kết quả kinh doanh của một doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA”.

Đối tượng nghiên cứu đề tài: Chuyên đề tập trung nghiên cứu quá trình hạch

toán các nghiệp vụ

1. Hạch toán nghiệp vụ tiêu thụ thành phẩm
2. Hạch toán các chi phí liên quan đến tiêu thụ thành phẩm
3. Xác định kết quả tiêu thụ thành phẩm tại công ty

Mục đích nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu những điểm hợp lý và bất hợp lý trong quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA. Từ đó đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán trong điều kiện hiện nay của Công ty. Chuyên đề gồm 3 phần sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận kế toán về doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Chương 2: Công tác hạch toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.

Chương 3: Một số biện pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và Thầy giáo - Tiến sĩ Lê Văn Liên. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để luận văn của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Xòe

PHẦN 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN KẾ TOÁN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

1.1.1.1 Khái niệm

Doanh thu là tổng các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

1.1.1.2 Các loại doanh thu và phương pháp xác định doanh thu

a. Các loại doanh thu

Doanh thu bán hàng: Là tổng giá trị được thực hiện do việc bán hàng hoá, sản phẩm cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng. Tổng doanh thu bán hàng là số tiền ghi trên hoá đơn, trên hợp đồng cung cấp lao dịch vụ.

Các phương thức bán hàng:

- Phương thức bán hàng trực tiếp: Theo phương thức này người mua đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp bán. Sau khi doanh nghiệp giao hàng, người mua ký vào chứng từ bán hàng, nếu hội đủ các điều kiện ghi nhận doanh thu, không kể người mua đã thanh toán hay mới chỉ chấp nhận thanh toán, số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

- Phương thức gửi hàng: Theo phương thức này, định kỳ doanh nghiệp gửi hàng cho khách hàng trên cơ sở thoả thuận trên hợp đồng. Khi xuất kho, hàng gửi bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, chỉ khi nào khách hàng đã trả tiền hoặc chấp nhận thanh toán thì khi đó hàng mới được coi là tiêu thụ và được ghi nhận vào doanh thu bán hàng của doanh nghiệp.

- Phương thức bán thông qua đại lý: Trong trường hợp này khi doanh nghiệp gửi hàng đi cho đại lý, hàng vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Doanh nghiệp chỉ hạch toán vào doanh thu bán hàng khi đại lý trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền cho số hàng gửi bán.

- Phương thức bán hàng trả góp: Theo phương thức này, khi xuất hàng cho khách hàng, khách hàng sẽ thanh toán 1 phần tiền hàng, còn lại sẽ trả dần vào các kỳ sau và chịu khoản lãi theo quyết định của hợp đồng. Hàng giao được xác định là tiêu thụ, doanh thu bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền 1 lần, còn khoản lãi do bán trả góp được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính.

- Phương thức bán hàng trả chậm: Doanh nghiệp chuyển quyền sở hữu sản phẩm cho khách hàng và nhận lấy sự cam kết của khách hàng trong tương lai. Như vậy doanh thu bán hàng sẽ được xác định ở kỳ này nhưng đến kỳ sau mới có tiền nhập quỹ.

- Phương thức bán hàng đổi hàng: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở trao đổi giữa doanh nghiệp và khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào.

$$\text{Doanh thu sản phẩm đem trao đổi} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}}{\text{Số lượng sản phẩm đem trao đổi}} * \text{Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi}$$

Doanh thu tiêu thụ nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

b. Các phương pháp xác định doanh thu:

- Doanh thu được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

- Giá trị hợp lý: Là giá trị tài sản có thể được thay đổi (hoặc giá trị một khoản nợ được thanh toán một cách tự nguyện) giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong sự trao đổi ngang giá.

- Doanh thu chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện ghi nhận cho doanh

thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được quy định tại chuẩn mực “Doanh thu và thu nhập khác”, nếu không thoả mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu thì không hạch toán vào doanh thu.

- Doanh thu và chi phí liên quan đến cùng một giao dịch phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp và theo năm tài chính.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán có thuế GTGT).

- Với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, thuế xuất khẩu thì doanh thu là tổng giá thanh toán (giá bán bao gồm cả thuế TTĐB hoặc thuế xuất khẩu).

- Doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

1.1.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được doanh thu chiết khấu, còn nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá.

Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần:

- Chiết khấu thương mại: Là số tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua bán hàng.

- Giảm giá hàng bán: Là số tiền giảm trừ cho khách hàng ngoài hoá đơn hay

hợp đồng cung cấp dịch vụ do các nguyên nhân đặc biệt như hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách, giao hàng không đúng thời gian, địa điểm trong hợp đồng...(do chủ quan doanh nghiệp).

- Hàng bán bị trả lại: Là số hàng đã được coi là tiêu thụ (đã chuyển quyền sở hữu, đã thu tiền hay được người chấp nhận trả tiền) nhưng lại bị người mua từ chối và trả lại do người bán không tôn trọng hợp đồng kinh tế đã ký kết nhưng không phù hợp với yêu cầu, tiêu chuẩn quy cách kỹ thuật, hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: Được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như rượu, bia, thuốc lá...

- Thuế xuất khẩu: Được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc uỷ thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này:

$$\begin{array}{ccccccc}
 \text{Doanh thu} & & & & & & \text{Thuế TTĐB,} \\
 \text{BH thuần} & = & \text{DT bán} & - & \text{Chiết} & - & \text{thuế XK phải} \\
 & & \text{hàng} & - & \text{khấu TM} & - & \text{nộp, thuế} \\
 & & & & \text{bị trả lại} & - & \text{GTGT trực tiếp} \\
 & & & & & \text{Giá hàng} & \\
 & & & & & \text{bán} &
 \end{array}$$

1.1.2. Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định

1.1.2.2. Các loại chi phí

Giá vốn hàng bán: Là giá trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hoá tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hoá tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ

Chi phí bán hàng: Là những khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ như chi

phí nhân viên bán hàng, chi phí dụng cụ bán hàng, chi phí quảng cáo

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc cho phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí hoạt động tài chính: Là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết...

Chi phí khác: Là các chi phí và các khoản lỗ do các sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tiền phạt do vi phạm hợp đồng, các khoản phạt, truy thu thuế...

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả của hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả này được xác định bằng cách so sánh giữa một bên là doanh thu thuần về bán hàng, cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư với một bên là các chi phí liên quan đến sản phẩm đầu tư đã tiêu thụ trong kỳ (giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư,...).

1.1.4. Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp có lãi và ngược lại doanh nghiệp sẽ bị lỗ.

Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết

cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Với việc xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: Xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế Nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

1.2. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1. Vai trò của kế toán bán hàng

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân.

Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà đầu tư... sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình. Ví dụ như có nên tiếp tục quan hệ làm ăn với doanh nghiệp hay không, có nên cho vay hay đầu tư vào doanh nghiệp hay không.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính Nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, bảo vệ tài sản, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hoá của doanh nghiệp thì kế toán bán hàng phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn bán hàng, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng.

- Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập các báo cáo tài chính.

1.3. TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.3.1. Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a, Các loại hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Các hoạt động bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư

- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

b, Các loại doanh thu theo hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ:

- Doanh thu bán hàng hoá
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

c, Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hoá đơn thông thường Mẫu số 01/GTKT-3LL, Hoá đơn giá trị gia tăng Mẫu số 02/GTTT-3LL)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 03/PXK-3LL)

- Phiếu thu tiền mặt (Mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng,...

d, Sổ sách sử dụng:

- Bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra
- Nhật ký chung
- Sổ cái Tài khoản 511, 512
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

e, Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Tài khoản 511 có 5 tài khoản cấp 2

TK 5111: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

Tài khoản 512 - Doanh thu bán hàng nội bộ: Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2

TK 5121: Doanh thu bán hàng hoá

TK 5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.3.1.2. Hạch toán các khoản giảm trừ:

Tài khoản 521 - Chiết khấu thương mại: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (Sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (Đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

TK 521 gồm 3 tài khoản cấp 2

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hoá đã bán trong kỳ báo cáo

Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán: Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người cho người mua do sản phẩm, hàng hoá kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Tài khoản 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: Tài khoản này phản ánh quan hệ giữa doanh nghiệp với Nhà nước về các khoản thuế, phí và lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước trong kỳ kế toán năm

1.3.1.3 Phương pháp kế toán doanh thu bán hàng và các khoản giảm trừ doanh thu

- Chứng từ sử dụng: Hoá đơn bán hàng, bảng kê bán lẻ, hoá đơn GTGT, thẻ

quầy hàng, tờ khai thuế GTGT, bảng thanh toán hàng đại lý. Các chứng từ thanh toán như phiếu thu, uỷ nhiệm chi, séc chuyển khoản, bảng sao kê của ngân hàng.

- Tài khoản sử dụng:

+ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ TK 512: Doanh thu nội bộ

+ TK 521: Chiết khấu thương mại

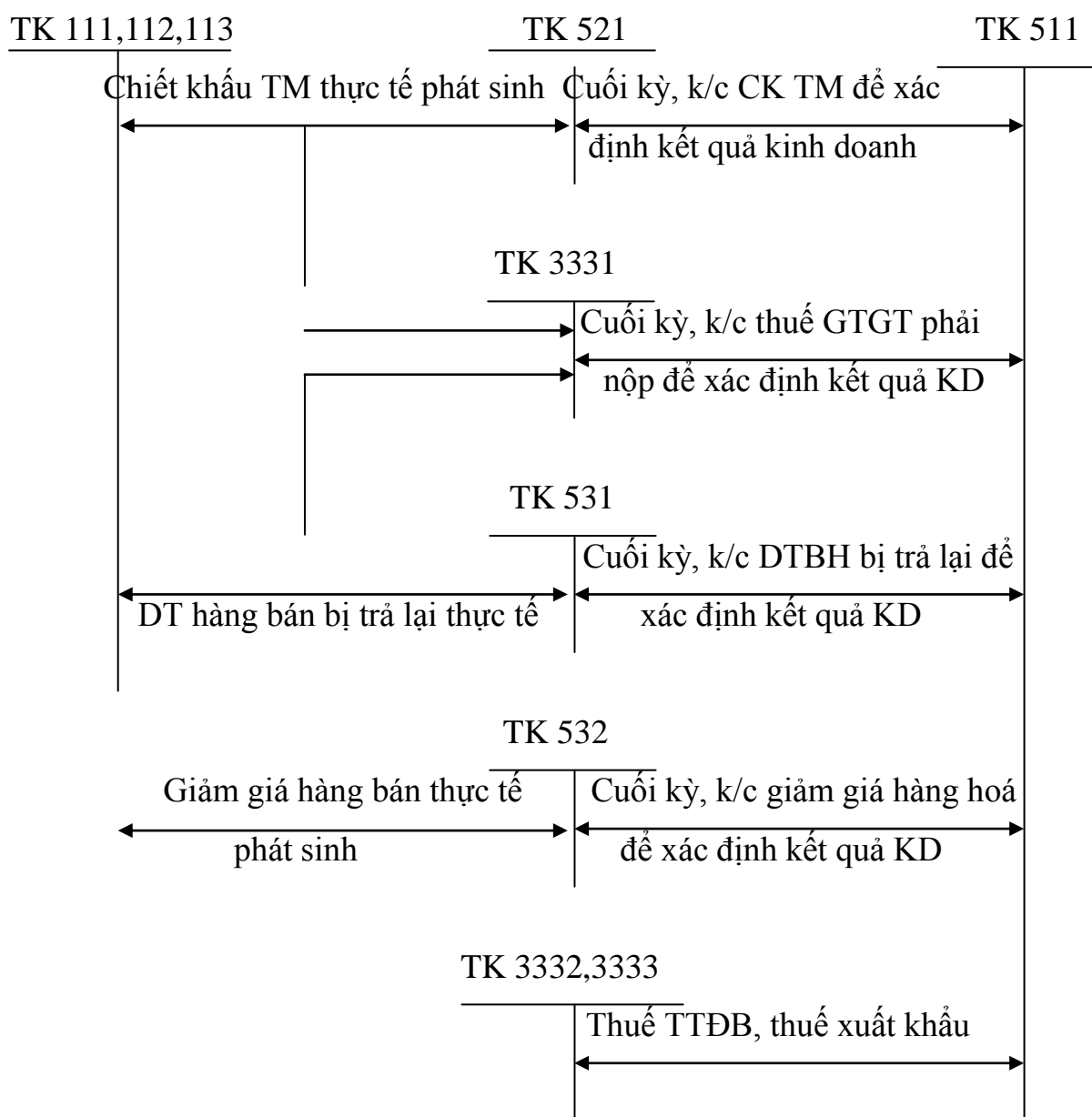
+ TK 531: Giảm giá hàng bán

+ TK 532: Hàng bán bị trả lại

Và các tài khoản liên quan khác như: TK 111, 112, 131, 333...

TH1: Bán hàng thu tiền ngay hoặc chấp nhận thanh toán

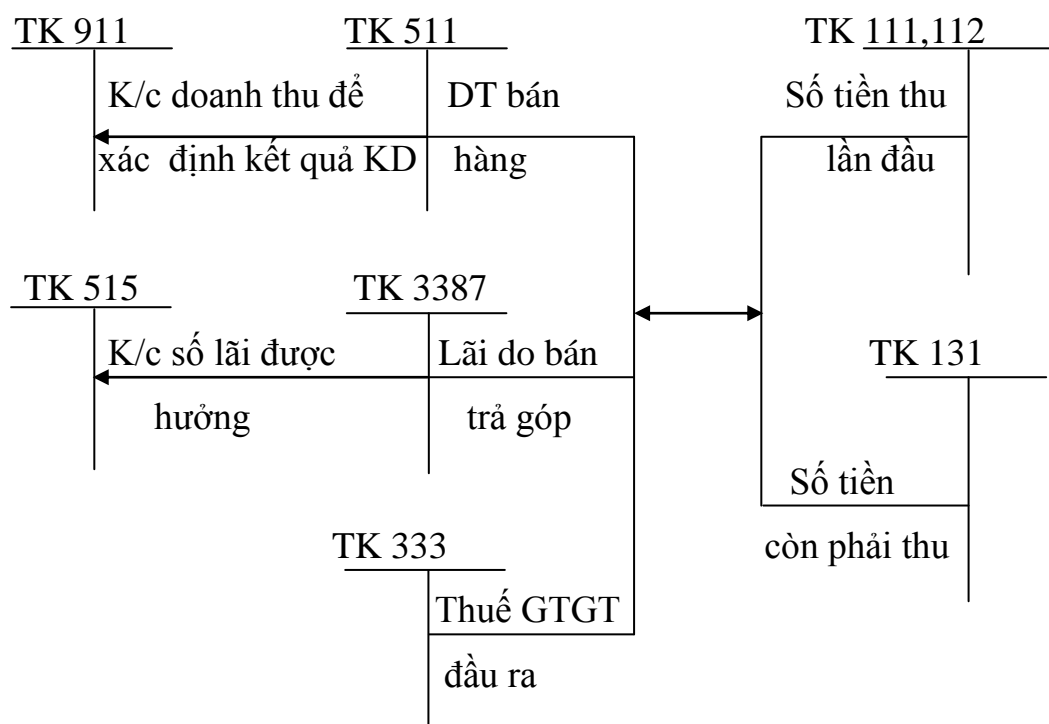
Sơ đồ 1:



TH2: Bán hàng trả góp, trả chậm

Doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

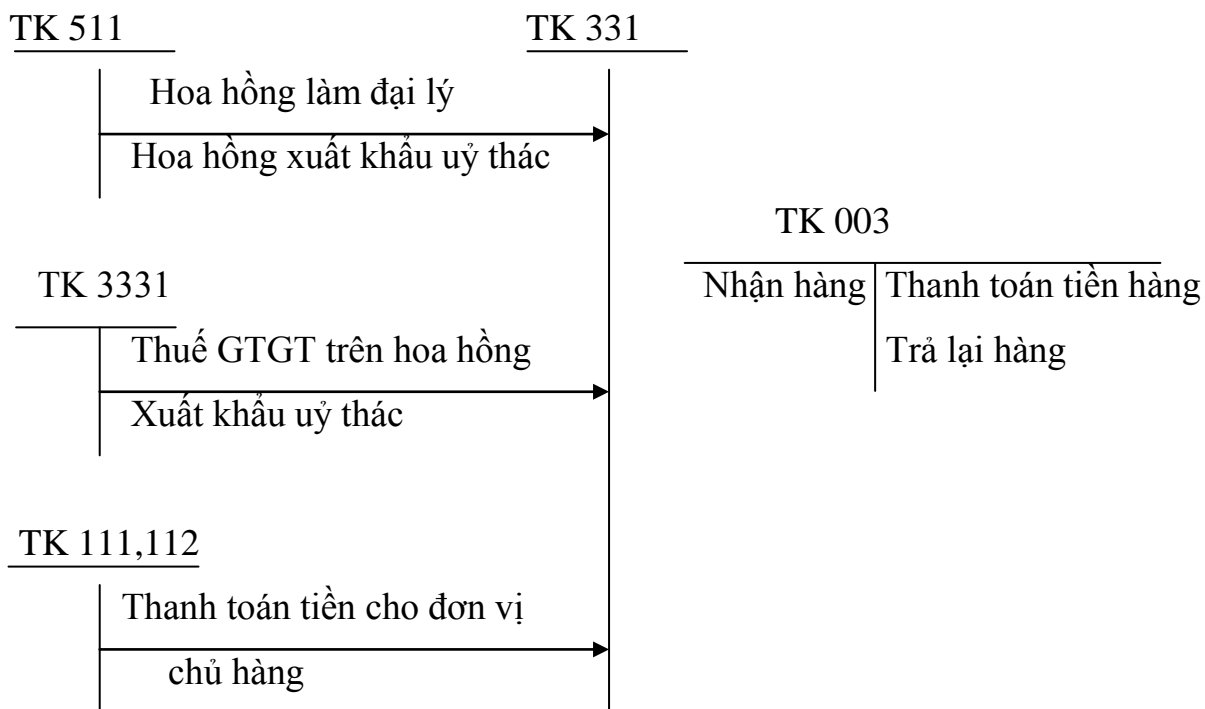
Sơ đồ 2:



TH3: Bán hàng qua đại lý ký gửi hàng:

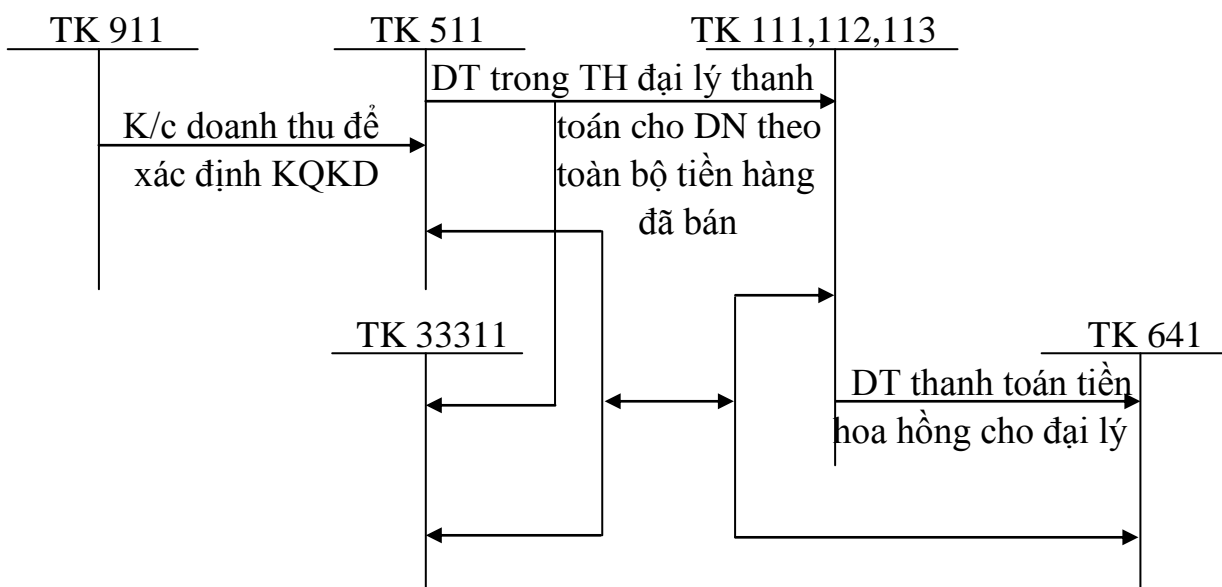
Trường hợp doanh nghiệp bán hàng đại lý hoặc nhận xuất khẩu uỷ thác cho 1 doanh nghiệp khác thì doanh nghiệp sẽ thu được doanh thu là số tiền hoa hồng được hưởng. Nếu doanh nghiệp là đại lý bán hàng thì doanh nghiệp không phải kê khai nộp thuế GTGT các khoản doanh thu này. Tuy nhiên, nếu doanh nghiệp tiến hành xuất khẩu uỷ thác cho doanh nghiệp khác thì số tiền hoa hồng được hưởng lại là đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%. Bên nhận uỷ thác sẽ được ghi nhận số thuế tính trên hoa hồng uỷ thác vào số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Khi nhận hàng của đơn vị giao cho đại lý, giao uỷ thác, kế toán ghi vào Nợ TK 003. Khi bán được hàng hoặc trả lại hàng cho doanh nghiệp uỷ thác thì kế toán ghi vào Có TK 003.

Sơ đồ 3:



TH4: Nếu doanh nghiệp bán hàng thông qua đại lý khi doanh nghiệp nhận tiền hàng do đơn vị đại lý thanh toán, doanh nghiệp cho đại lý gửi một khoản tiền hoa hồng và khoản tiền này sẽ được tính vào chi phí bán hàng (TK 6417)

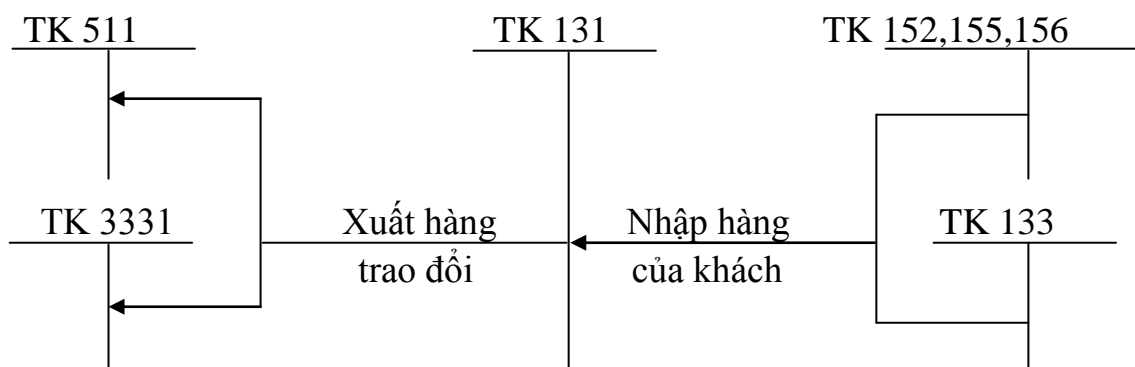
Sơ đồ 4:



TH5: Nếu doanh nghiệp bán hàng cho đại lý theo phương thức hàng đổi hàng, khi doanh nghiệp xuất hàng trao đổi cho khách, kế toán phải ghi doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra. Khi nhận hàng của khách kế toán ghi hàng nhập kho và tính

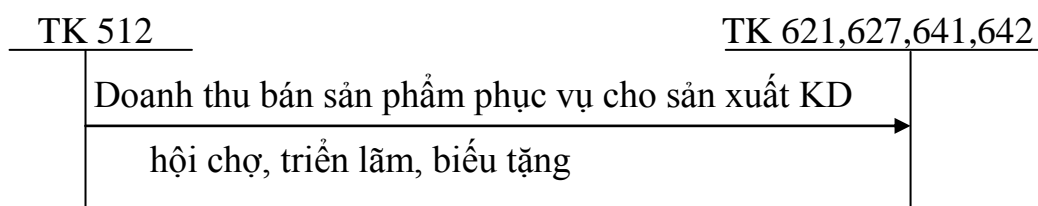
thuế GTGT đầu vào.

Sơ đồ 5:



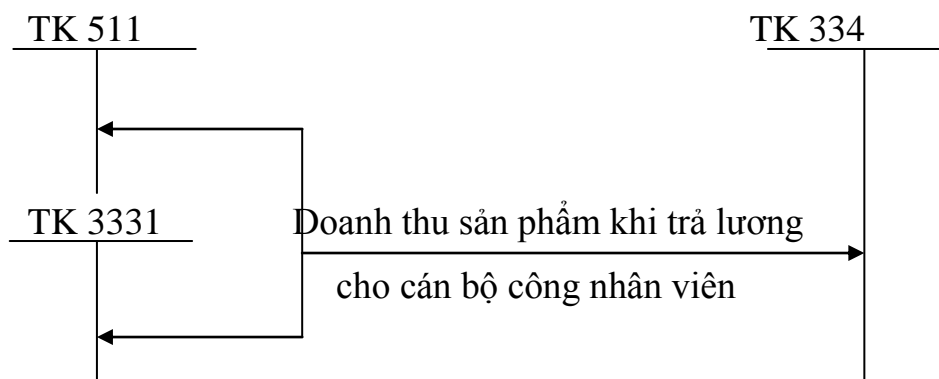
TH6: Trường hợp doanh nghiệp dùng hàng hoá, vật tư sử dụng nội bộ cho sản xuất kinh doanh thuộc diện chịu thuế GTGT kế toán xác định doanh thu của số hàng này tương ứng với chi phí sản xuất hoặc giá vốn hàng bán để ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh

Sơ đồ 6:



TH7: Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm hàng hoá để trả lương cho cán bộ công nhân viên thì kế toán hạch toán như sau:

Sơ đồ 7:



Đến cuối kỳ kế toán tiến hành kết chuyển doanh thu thuần để xác định kết quả. Đồng thời phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp

1.4. KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng bán được sử dụng để xác định kết quả kinh doanh là toàn bộ chi phí kinh doanh liên quan đến quá trình bán hàng, bao gồm: Trị giá vốn hàng xuất kho, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

1.4.1.1. Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán

Trị giá vốn hàng xuất kho để bán: Đối với doanh nghiệp sản xuất, trị giá vốn thành phẩm xuất kho để bán hoặc thành phẩm hình thành không nhập kho đưa đi bán ngay chính là giá thành sản phẩm thực tế của sản phẩm hoàn thành.

Đối với doanh nghiệp thương mại, trị giá vốn hàng xuất kho để bán bao gồm: Trị giá mua thực tế và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán.

Theo chuẩn mực 02 – hàng tồn kho ban hành và công bố theo QĐ số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001. Việc tính trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán được tính theo một trong bốn phương pháp sau:

* Phương pháp tính theo giá đích danh:

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được từng lô hàng. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

* Phương pháp bình quân gia quyền:

Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \frac{\text{Số lượng hàng xuất kho}}{\text{Số lượng hàng xuất kho}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân} = \frac{\text{Trị giá mua thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

* Phương pháp nhập trước - xuất trước:

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được nhập trước thì được xuất trước và lấy đơn giá xuất kho bằng đơn giá nhập kho. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

* Phương pháp nhập sau - xuất trước:

Áp dụng dựa trên giả định là hàng nào nhập sau thì được xuất trước, lấy đơn giá xuất bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì giá trị lô hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

1.4.1.2. Phương pháp kế toán giá vốn hàng bán

Các chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Biên bản bàn giao kiêm phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng

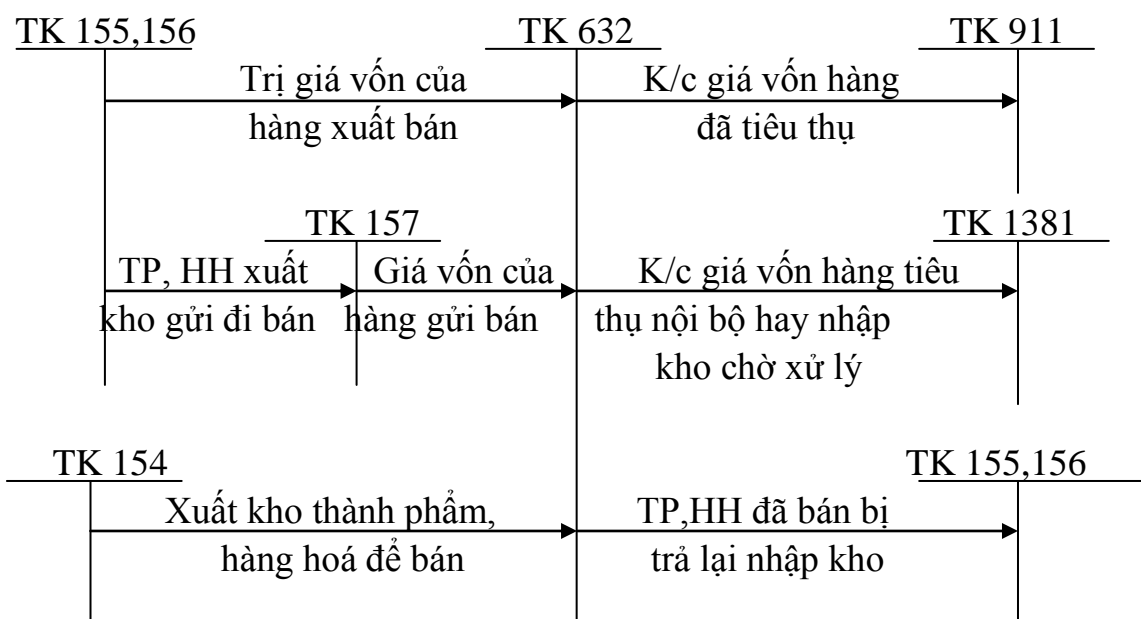
Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 632
- Bảng cân đối số phát sinh
- Báo cáo tài chính

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kì.

TK này phản ánh trị giá hàng hoá, sản phẩm đã được gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi, nhưng chưa được chấp nhận thanh toán.

Sơ đồ 8: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX



Khi bán hàng của hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua TK 632. Cuối tháng kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng Bảng tổng hợp nguyên vật liệu, công cụ, thành phẩm, hàng hoá để lập Báo cáo bán hàng.

1.4.2. Kế toán chi phí bán hàng

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

b, Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ chi tiết tài khoản 641
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 641

c, Tài khoản kế toán sử dụng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ,

bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như:

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

1.4.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

a, Chứng từ kế toán sử dụng:

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 – LĐTL)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKL – 3LL)
- Hoá đơn thông thường (Mẫu số 02 GTGT – 3LL)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

b, Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ chi tiết tài khoản 642
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642

c, Tài khoản kế toán sử dụng:

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho

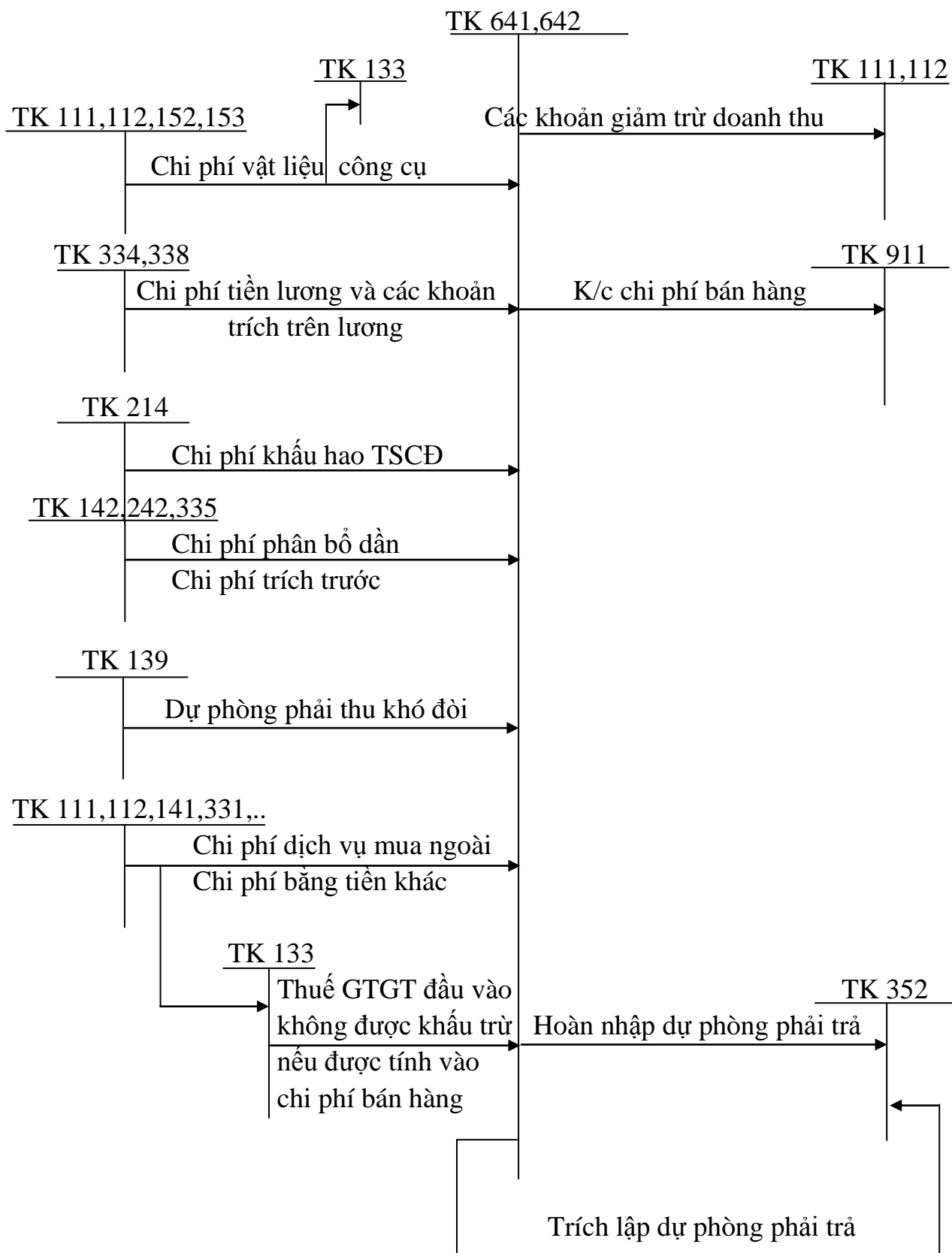
quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng
- TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các chỉ tiêu thức phân bổ như: Phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương.

Sơ đồ 9: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp



1.5. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG

1.5.1. Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là mối quan tâm hàng đầu của mọi doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế thị trường và là mục tiêu cuối cùng của hoạt động kinh doanh, kết quả kinh doanh tốt là điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mở rộng quy mô kinh doanh của doanh nghiệp, tăng sức cạnh tranh, kiểm định vị thế của mình trên thương trường kết quả không tốt do trình độ quản lý thấp, không có năng lực trong kinh doanh, sẽ đưa hoạt động của doanh nghiệp bị đình trệ và cuối cùng đi đến phá sản.

- Kết quả kinh doanh bao gồm: Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động kinh doanh khác
- Kết quả hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả từ những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính
- Kết quả bán hàng chính là kết quả hoạt động kinh doanh chính và được biểu hiện dưới chỉ tiêu lợi nhuận gộp và lợi nhuận thuần về bán hàng
- Lợi nhuận gộp là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán
- Lợi nhuận thuần về bán hàng được xác định là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} & & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{bán hàng} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{bán hàng} & - & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{rcccl} \text{Doanh thu} & & \text{Tổng DT} & & \text{Giảm giá hàng bán,} & & \text{Thuế xuất khẩu,} \\ \text{thuần} & = & \text{tiêu thụ hàng} & - & \text{hàng bán bị trả lại} & - & \text{thuế nhập khẩu} \\ & & \text{hoá} & & & & \end{array}$$

Để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán sử dụng TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh” và TK 421 “Lợi nhuận chưa phân phối” và một số tài khoản khác.

1.5.2. Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng

Nhận biết tầm quan trọng của việc xác định kết quả đòi hỏi kế toán xác định

kết quả phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Ghi chép chính xác các chi phí phát sinh trong kỳ, phân bổ đúng cho các đối tượng chịu chi phí.

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, và chi tiết về kết quả hoạt động kinh doanh giúp lãnh đạo quản lý điều hành, xây dựng chiến lược kinh doanh, giúp cơ quan thuế kiểm tra tình hình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Thông qua việc ghi chép kế toán kết quả hoạt động kinh doanh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.5.2.1 Phương pháp kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Tài khoản 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Tài khoản này sử dụng để phản ánh chi phí thuế thu nhập của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành

Căn cứ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế và thuế suất. Thu nhập chịu thuế được xác định theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Thu nhập chịu} & & \text{DT để tính thu nhập} & & \text{CP hợp lý} & & \text{Thu nhập chịu} \\ \text{thuế trong năm} & = & \text{chịu thuế trong năm} & - & \text{trong năm} & + & \text{thuế khác trong} \\ \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{tính thuế} & & \text{năm tính thuế} \end{array}$$

1.5.2.2. Phương pháp kế toán xác định kết quả bán hàng

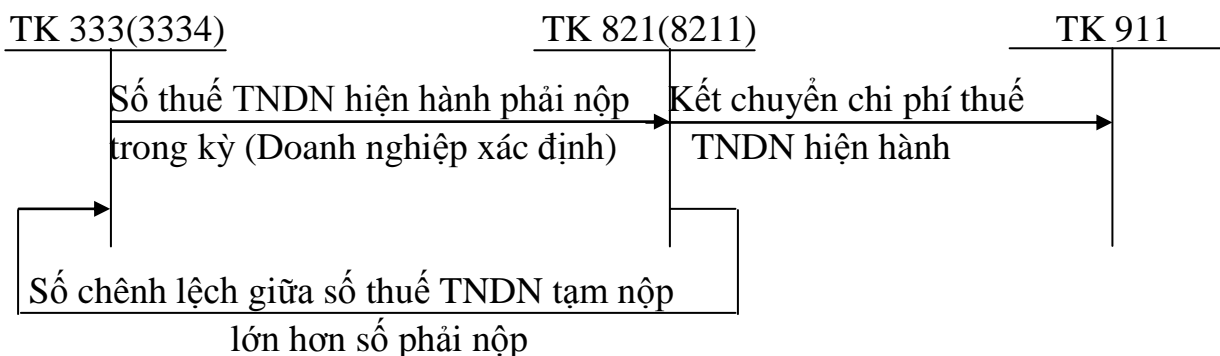
Chúng tôi sử dụng: Căn cứ vào sổ theo dõi chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, doanh thu cuối kỳ kết chuyển xác định kết quả kinh doanh và một số các số liên quan khác.

Tài khoản sử dụng:

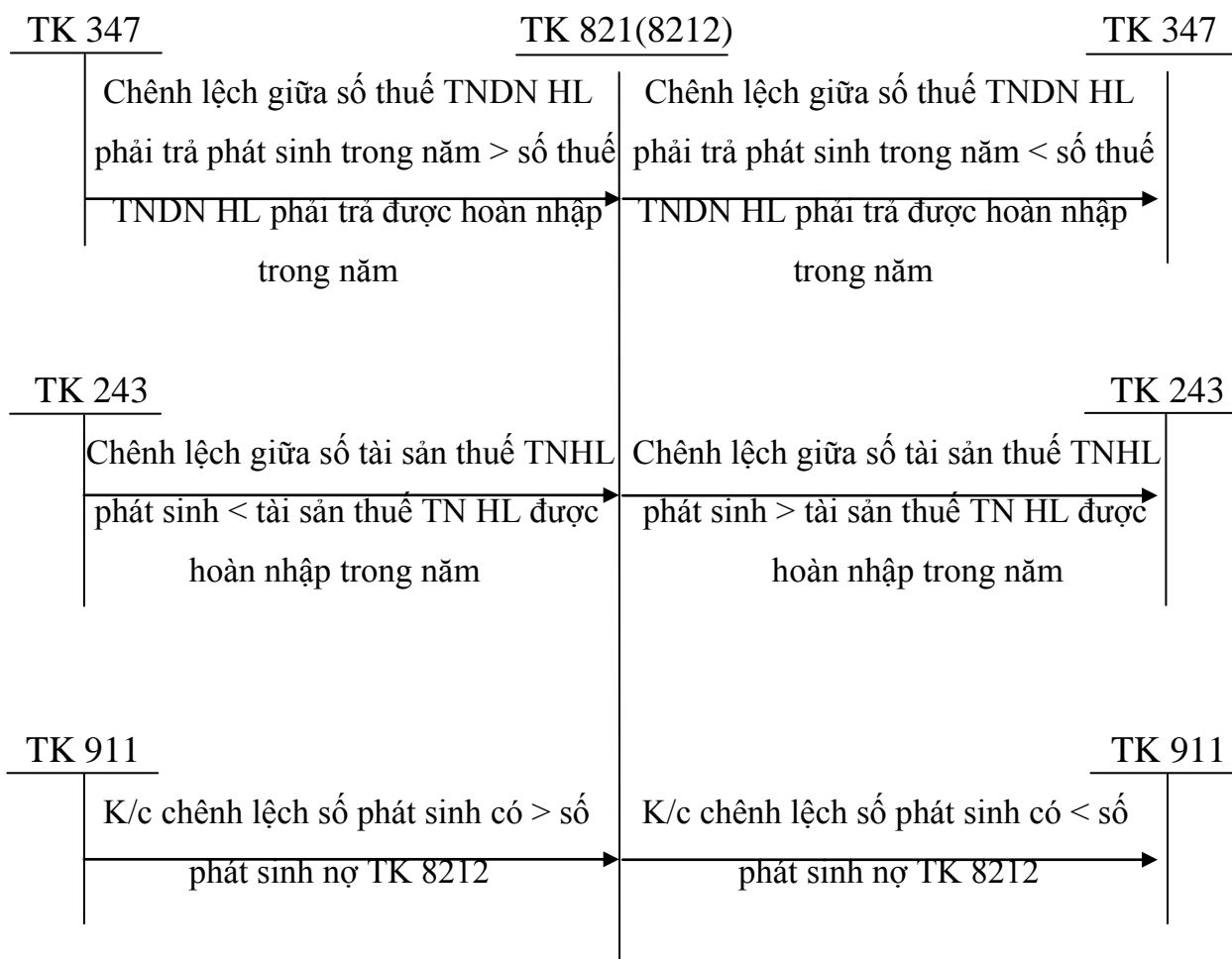
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh - TK khoản này sử dụng để xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối - TK này phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình phương pháp xử lý kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

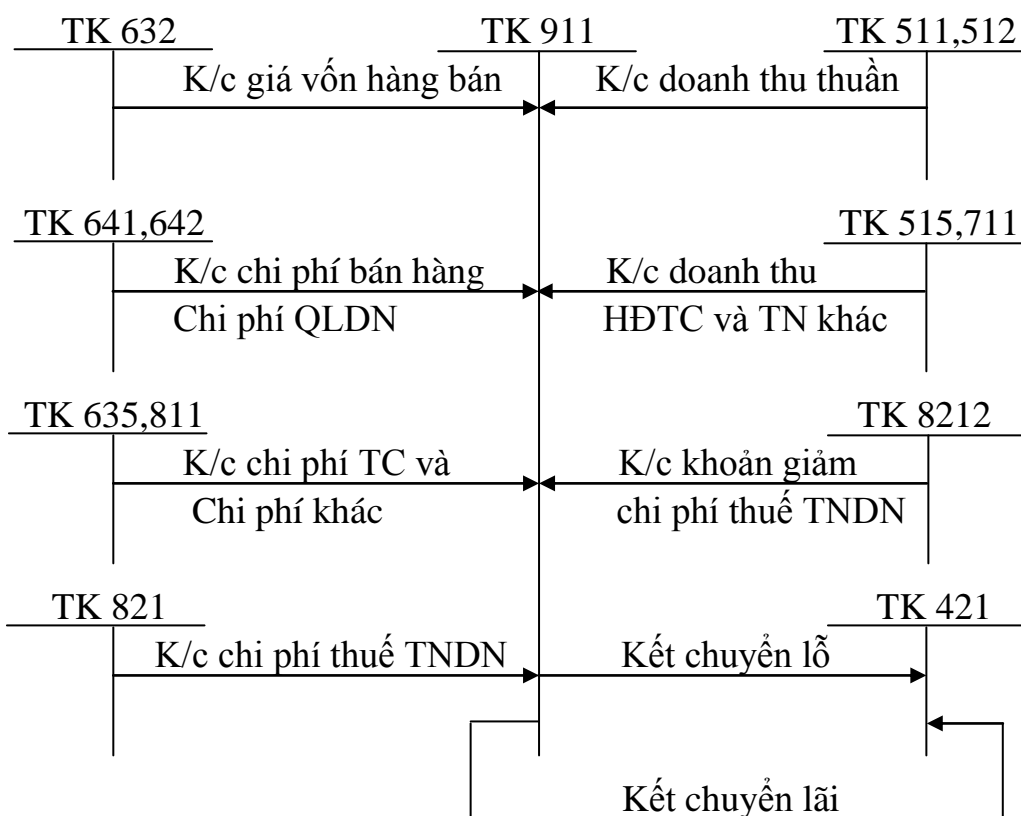
Sơ đồ 10: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TNDN)



Sơ đồ 11: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại



Sơ đồ 12: Sơ đồ trình tự kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.6. HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp phải căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, yêu cầu quản lý, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật tính toán lựa chọn một hình thức phù hợp và phải tuân thủ theo đúng quy định của hình thức sổ kế toán đó. Doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức sổ kế toán như sau

1.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký chung mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt

- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức Nhật ký - Sổ cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập Báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

1.6.4. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ được đánh số liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6.5.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và Báo cáo tài chính theo quy định.

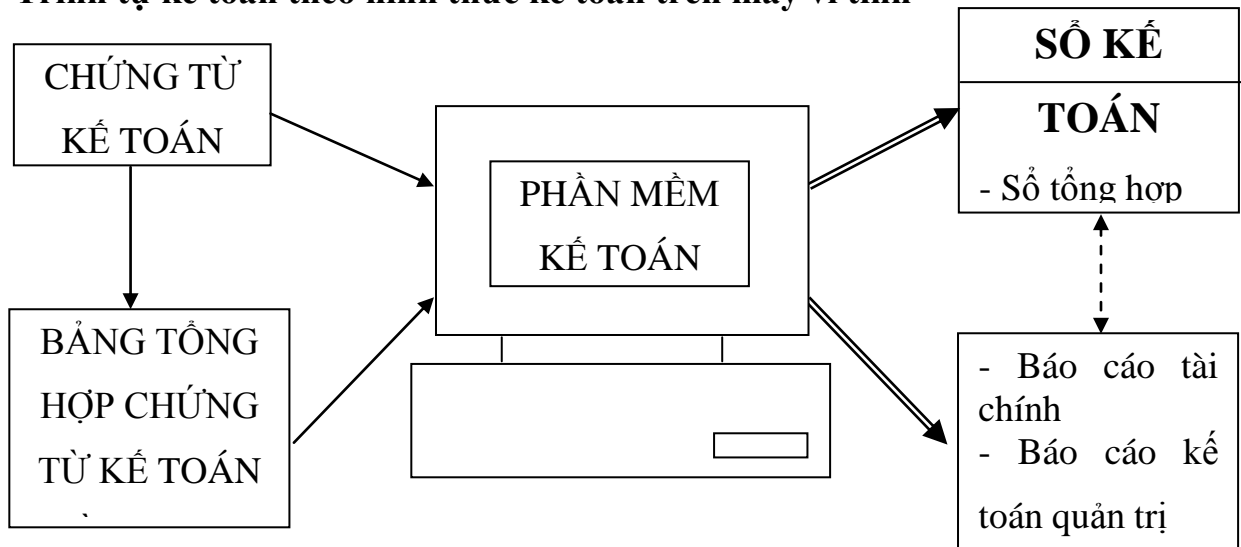
1.6.5.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kết toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái hoặc Nhật ký - Sổ cái...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Thực hiện các thao tác để in Báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thuyền và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA

2.1. Đặc điểm tình hình chung Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.1.1.1. Tên và địa chỉ của doanh nghiệp

Tên giao dịch : Công ty CP thức ăn chăn nuôi VINA

Tên tiếng Anh : VINA FOOD BREEDING JOINT COMPANY

Tên viết tắt : VINA.J.C

Địa chỉ : Khu công nghiệp Nam Sách, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Điện thoại : 03203.752.562

Fax : 03203.752.666

2.1.1.2. Thời điểm thành lập và các mốc lịch sử quan trọng trong quá trình phát triển của doanh nghiệp

Công ty CP thức ăn chăn nuôi VINA được thành lập theo QĐ số 0403000061 ngày 06 tháng 06 năm 2003.

Tiền thân của Công ty là một chi nhánh chuyên tiêu thụ sản phẩm tại khu vực phía Bắc. Dưới sự điều hành của Công ty TNHH Vina với tên gọi là: Chi nhánh công ty TNHH Vina đóng tại xã Cổ Bi – Gia Lâm – Hà Nội.

Năm 2003 ban lãnh đạo Công ty TNHH Vina nhận thấy:

- Xu hướng nuôi gia súc, gia cầm ở các tỉnh miền Bắc ngày càng mở rộng theo hướng chuyên nghiệp hơn, quy mô lớn hơn, mô hình nuôi trang trại ngày càng phát triển. Khối lượng sản phẩm tiêu thụ đáp ứng nhu cầu của khách hàng ngày một lớn.

- Thương hiệu thức ăn chăn nuôi Vina được người chăn nuôi biết đến và tin tưởng sử dụng sản phẩm.

- Mục tiêu của Công ty TNHH Vina là mở rộng thị trường ra phía Bắc.

Ban lãnh đạo Công ty TNHH Vina đã quyết định thành lập Công ty CP thức ăn chăn nuôi Vina tại khu công nghiệp Nam Sách, xã Ái Quốc, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

Dưới sự đóng góp cổ phần của ông Phạm Đức Luận, bà Đỗ thị Minh Tuyết, Đỗ Thị Liễu. Vốn điều lệ: 37.000.000.000 VNĐ. Trong đó 100% là vốn góp.

Thị trường tiêu thụ sản phẩm chủ yếu của công ty đó là các tỉnh: Hải Dương, Bắc Ninh, Hưng Yên, Bắc Giang, Nam Định, Hải Phòng, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc, Hà Nội, Ninh Bình, Hà Nam...

Đối với thị trường xuất khẩu công ty chưa phát triển.

Hiện nay tại Việt Nam có khá nhiều công ty chế biến, sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm. Vì vậy chỉ riêng thị trường phía Bắc, công ty đã có khá nhiều đối thủ cạnh tranh như: Con Heo Vàng, DUPAC, Hoa Kỳ, New Hope...

2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp

2.1.2.1. Chức năng của doanh nghiệp

Công ty CP thức ăn chăn nuôi Vina có các chức năng sau:

- Chuyên sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.
- Trực tiếp tiêu thụ sản phẩm làm ra theo hình thức phân phối qua các đại lý

và bàn hàng theo đơn đặt hàng.

2.1.2.2. Nhiệm vụ

- Kinh doanh đúng nghề đã đăng ký.
- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện phân phối lao động một cách hợp lý và theo đúng luật của nhà nước ban hành.
- Bảo tồn và phát triển nguồn vốn.
- Phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường và phát triển đa dạng sản phẩm hơn.
- Bảo vệ môi trường và giữ vững an ninh, trật tự xã hội nâng cao đời sống cho công nhân.
- Tổ chức mua nguyên liệu đảm bảo chất lượng tạo ra sản phẩm có chất lượng

tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng.

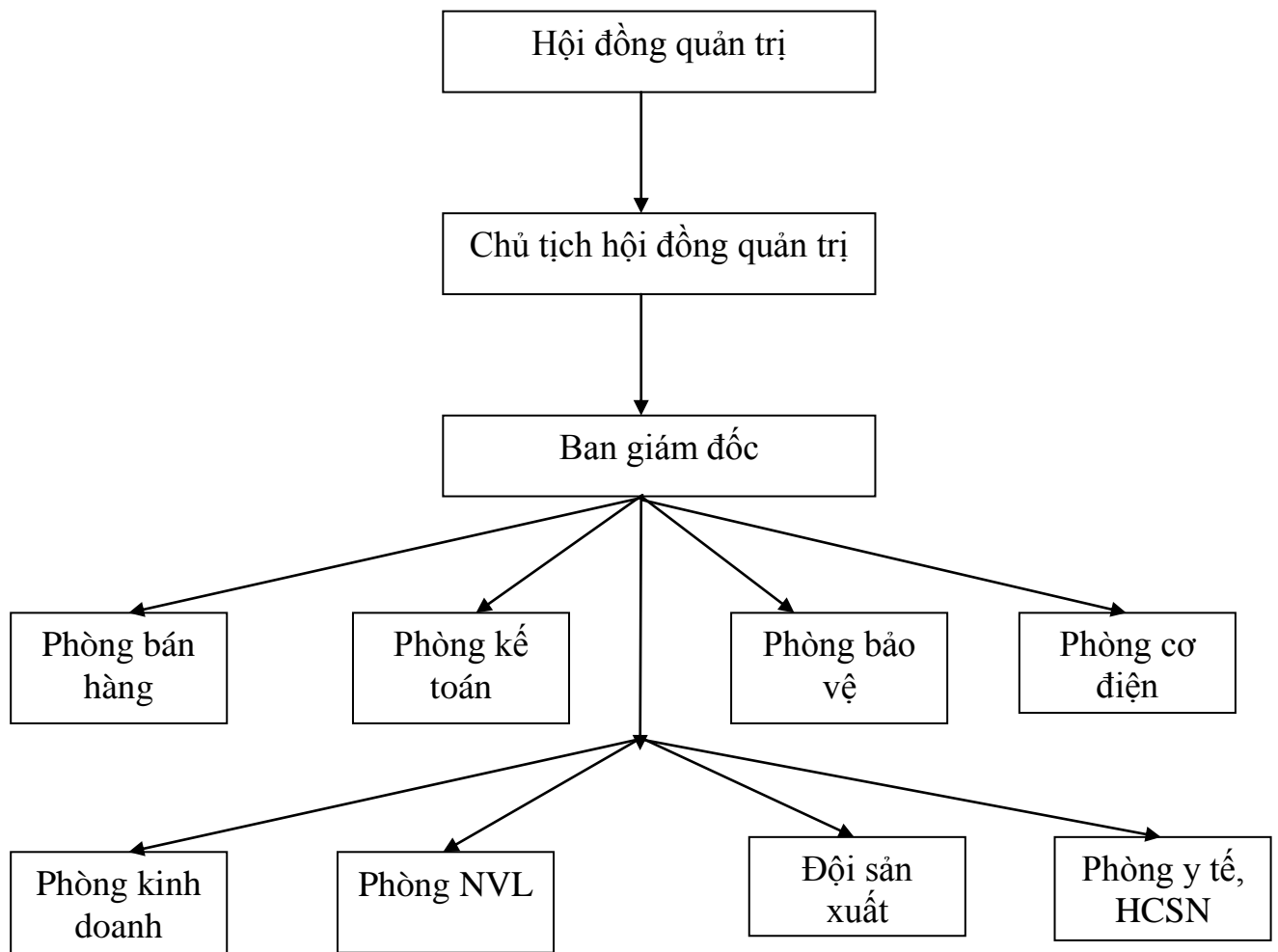
- Báo cáo trung thực, đúng thời hạn quy định.

- Nâng cao tay nghề trình độ sản xuất của công nhân để tạo ra sản phẩm có chất lượng ngày một tốt hơn.

2.1.3. Hình thức tổ chức sản xuất của công ty

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy quản lý

Sơ đồ 02: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



Chức năng và nhiệm vụ của từng phòng ban:

- Hội đồng quản trị(gồm 3 thành viên) trong đó có 1 chủ tịch. Chủ tịch do hội đồng quản trị bầu bằng cách bỏ phiếu kín, nhiệm kỳ 5 năm.

Quyền hạn của hội đồng quản trị: Là đưa ra quyết định quản trị, tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Chấp hành điều lệ công ty và các nghị quyết của đại hội cổ đông.

- Ban giám đốc (3 người): Gồm một giám đốc và hai phó giám đốc

+ Giám đốc: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm để điều hành công ty, thay mặt công ty ký kết giao dịch với các cơ quan nhà nước và các đơn vị kinh tế khác.

+ Phó giám đốc: Cũng do hội đồng quản trị bổ nhiệm để phụ các trách nhiệm trong công ty: kinh doanh, điều hành và tài chính.

- Phòng bán hàng: Là nơi nhận đơn đặt hàng, thu tiền bán hàng, in hóa đơn, tư vấn cho khách hàng, giải quyết các thắc mắc, khiếu nại cho khách hàng.

- Phòng kế toán(gồm 7 người): Thực hiện công tác quản lý tài chính -kế toán – thống kê, tham gia, tham mưu cho giám đốc trong việc đưa ra quyết định kinh doanh.

- Phòng cơ điện: Đảm nhận nhiệm vụ vận hành máy móc, bảo trì và sửa chữa khi máy bị hư hỏng.

- Phòng kinh doanh: Chịu trách nhiệm tìm ra các phương án, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường, đề ra các chương trình khuyến mãi, giảm giá.

- Phòng nguyên vật liệu: Tìm đầu vào cho nguyên liệu của công ty, đảm bảo nguyên liệu có chất lượng tốt, ổn định, phục vụ cho sản xuất liên tục, lập kế hoạch dự trữ và thu mua nguyên liệu.

- Phòng y tế, HCNS: Cung cấp thuốc, chăm sóc sức khỏe cho cán bộ, công nhân viên của công ty. Tiếp nhận ý kiến phản ánh từ công nhân viên về môi trường làm việc, sinh hoạt, đời sống.

- Đội sản xuất: chịu trách nhiệm điều hành sản xuất, kiểm tra chất lượng sản phẩm. Trực tiếp sản xuất ra sản phẩm.

- Phòng bảo vệ: Bảo vệ tài sản vật chất, đảm bảo an ninh trật tự an toàn trong công ty.

2.1.3.2. Tổ chức sản xuất

Trong cơ cấu tổ chức sản xuất bao gồm các bộ phận: Bộ phận sản xuất chính và bộ phận sản xuất phụ trợ:

- Bộ phận sản xuất chính: Trực tiếp sản xuất ra sản phẩm, toàn bộ công nhân trực tiếp sản xuất được chia ra làm các tổ, đội bố trí sản xuất những công việc cụ thể.

- Bộ phận sản xuất phụ trợ: Bao gồm phân xưởng cơ điện, tổ đội sản xuất cơ

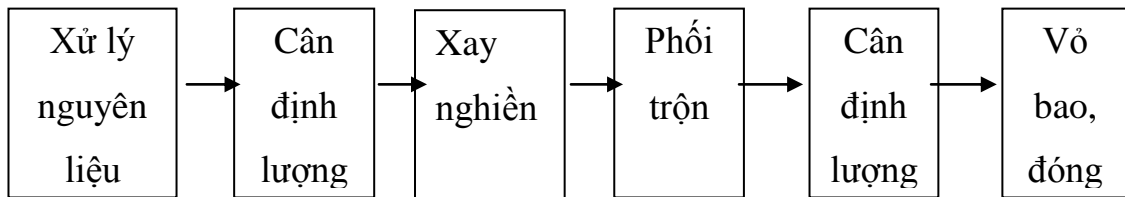
bản chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo trì nhà xưởng, máy móc thiết bị bảo đảm cho việc sản xuất.

Quy trình sản xuất một số mặt hàng chủ yếu:

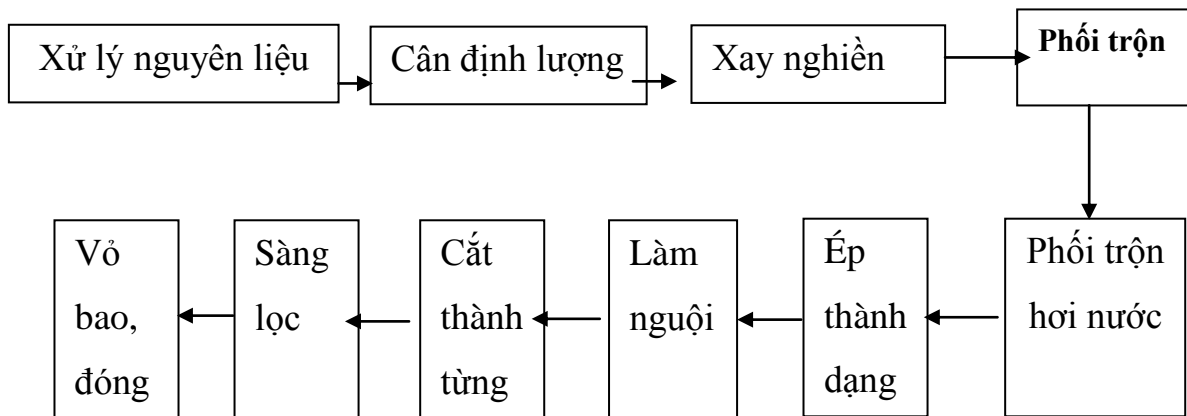
Cám là mặt hàng chủ yếu của doanh nghiệp. Cám được sản xuất dưới hai dạng: dạng bột và dạng viên.

❖ Quy trình sản xuất thành phẩm dạng bột:

Sơ đồ 01:



❖ Quy trình sản xuất sản phẩm dạng viên:



2.1.4. Đánh giá khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian qua

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009 (1)	Năm 2010 (2)	Chênh lệch	
					(2) – (1)	(2)/(1)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VNĐ	515,530,270,787	632,265,113,917	116,734,843,130	1.226436
2	Giá vốn hàng bán	VNĐ	469,501,661,442	597,060,033,304	127,558,371,862	1.271688
3	Chi phí bán hàng	VNĐ	5,366,118,289	6,281,998,999	915,880,710	1.170678
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VNĐ	3,979,483,549	5,449,205,545	1,469,721,996	1.369324
5	Chi phí tài chính	VNĐ	4,968,828,764	1,242,633,729	-3,726,195,035	0.250085
6	Thu nhập khác	VNĐ	961,956,310	2,135,317,031	1,173,360,721	2.219765
7	Chi phí khác	VNĐ	287,672,020	1,071,697,585	784,025,565	3.725414
8	Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	32,504,432,438	23,294,861,786	-9,209,570,652	0.716667
9	Thuế thu nhập doanh nghiệp	VNĐ	2,437,832,433	1,747,114,634	-690,717,799	0.716667
10	Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	30,066,600,005	21,547,747,152	-8,518,852,853	0.716667
12	Vốn chủ sở hữu	VNĐ	45,809,438,553	41,762,483,784	-4,046,954,769	0.911656

2.1.5. Phương hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới

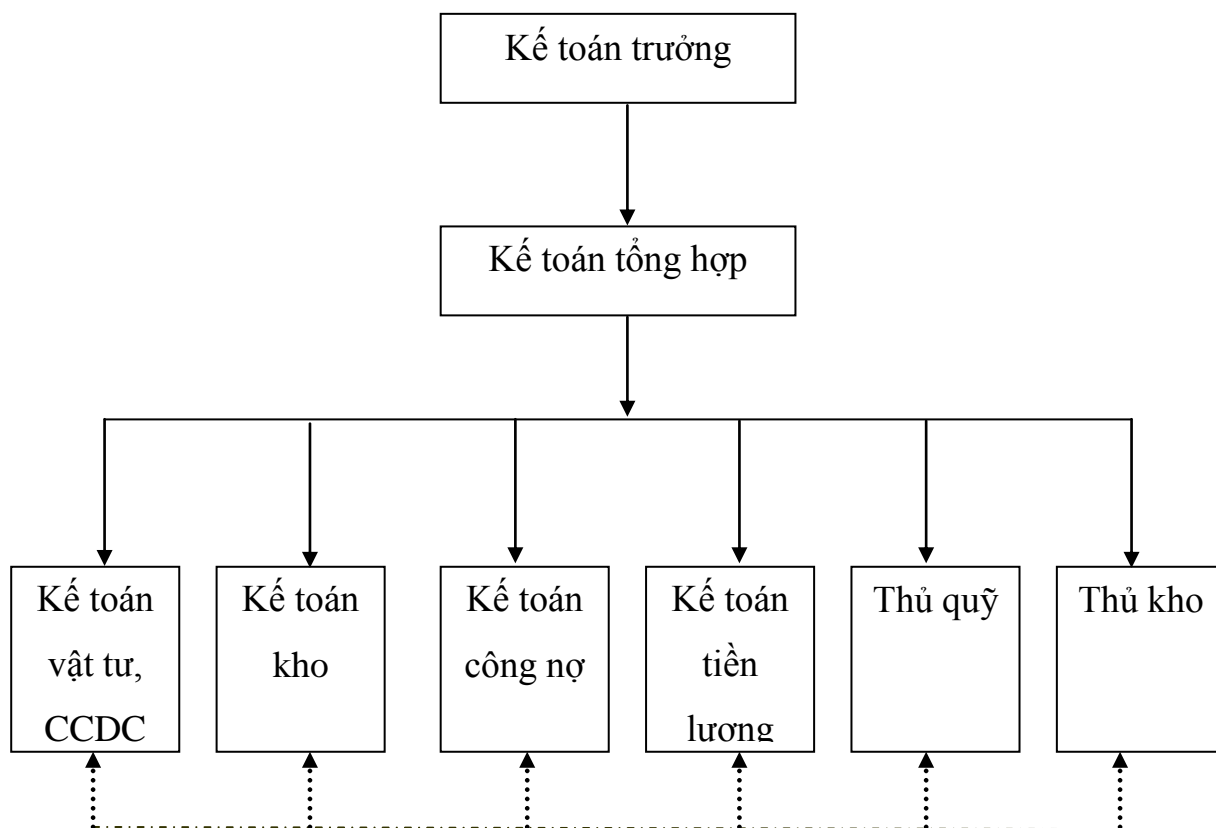
- Tích cực phát triển thị trường sẵn có và tìm kiếm thêm thị trường mới, mở rộng thị trường vào các tỉnh phía Nam.
- Giảm tỷ trọng nguyên liệu nhập khẩu, tăng tỷ trọng nguyên liệu trong nước để giảm chi phí hướng tới giảm giá thành sản phẩm.
- Mở rộng quy mô sản xuất, nghiên cứu và sản xuất thêm một số mặt hàng thức ăn cho chăn nuôi thủy sản.

2.1.6. Khái quát chung về công tác kế toán tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.1.6.1. Cơ cấu bộ máy kế toán tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

a, Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại doanh nghiệp.

Sơ đồ 03: Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty CP thức ăn chăn nuôi VINA



Giải thích sơ đồ:

- > Quan hệ phụ thuộc
- - - - -> Quan hệ chức năng

b, Chức năng và nhiệm vụ của từng thành viên trong phòng kế toán.

- Kế toán trưởng:

+ Tham mưu cho Giám đốc về tổ chức thực hiện công tác kế toán tài chính.

+ Phụ trách chỉ đạo phòng kế toán, xem xét việc ghi chép chứng từ, sổ sách, lưu trữ quản lý hồ sơ kế toán và xử lý kịp thời các sai sót.

+ Kết hợp với kế toán tổng hợp lập báo cáo tài chính, phân tích các báo cáo tài chính để nắm bắt tình hình tài chính, báo cáo kịp thời cho cấp trên.

+ Tham gia các cuộc họp và ký kết các hợp đồng tín dụng.

+ Chịu trách nhiệm làm việc với cơ quan thuế và cục quản lý vốn.

- Kế toán tổng hợp:

+ Tổ chức ghi chép, tổng hợp các số liệu về tình hình số lượng, hiện trạng và giá trị TSCĐ hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ. Kiểm tra việc quản lý, bảo dưỡng và sử dụng TSCĐ.

+ Tính toán và phân bổ chính xác mức khấu hao TSCĐ và chi phí sản xuất kinh doanh theo mức độ hao mòn của TSCĐ và chế độ quy định.

+ Tham gia lập dự toán sửa chữa lớn TSCĐ phản ánh tình hình thanh lý, nhượng bán TSCĐ.

+ Tham gia kiểm kê, đánh giá lại TSCĐ theo quy định, lập các báo cáo về tài sản của doanh nghiệp.

+ Tổ chức ghi chép, tổng hợp các khoản phải thu, phải trả của công ty.

+ Kế toán vật tư, công cụ dụng cụ.

+ Theo dõi tình hình nhập - xuất - tồn từng loại vật tư.

+ Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá, lập báo cáo về vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Kế toán kho:

+ Theo dõi tình hình nhập, xuất kho thành phẩm, hàng hóa.

+ Theo dõi tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lập báo cáo nhập – xuất – tồn.

- Kế toán công nợ:

+ Cùng với kế toán tổng hợp theo dõi, ghi chép, tổng hợp các số liệu về tình

hình phải thu, phải trả của công ty.

- + Lập báo cáo phải thu, phải trả.

- Kế toán tiền lương:

- + Tập hợp chi phí lương, lập bảng phân bổ lương.

- + Hàng ngày cung cấp số liệu cho kế toán tổng hợp để tính giá thành.

- Thủ quỹ:

- + Theo dõi chi tiết tình hình thu, chi tiền mặt.

- + Lập báo cáo quỹ, tiến hành đối chiếu với kế toán tổng hợp.

- Thủ kho:

- + Quản lý vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm tại kho.

- + Ghi chép thẻ kho đầy đủ, cùng với kế toán vật tư quản lý vật tư tại kho.

- + Cùng với kế toán kho và phó giám đốc tham gia kiểm kê và lập biên bản kiểm kê.

2.1.6.2. Công tác tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

a, Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.

Công ty CP thức ăn chăn nuôi VINA đã, đang thực hiện chế độ kế toán mới theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính, với hệ thống tài khoản và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước mới ban hành:

- Về hình thức kế toán: Để giúp đơn vị quản lý, hạch toán kinh tế chính xác kịp thời, đáp ứng yêu cầu công tác kế toán hiện nay, công ty đã áp dụng trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức “ Chứng từ ghi sổ” với sự hỗ trợ của hệ thống công thức của Microsoft Excel đã được xây dựng cho phù hợp với tình hình của công ty.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N .

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VNĐ.

- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán tổng hợp hàng tồn kho.

- Kế toán chi tiết nguyên liệu tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.

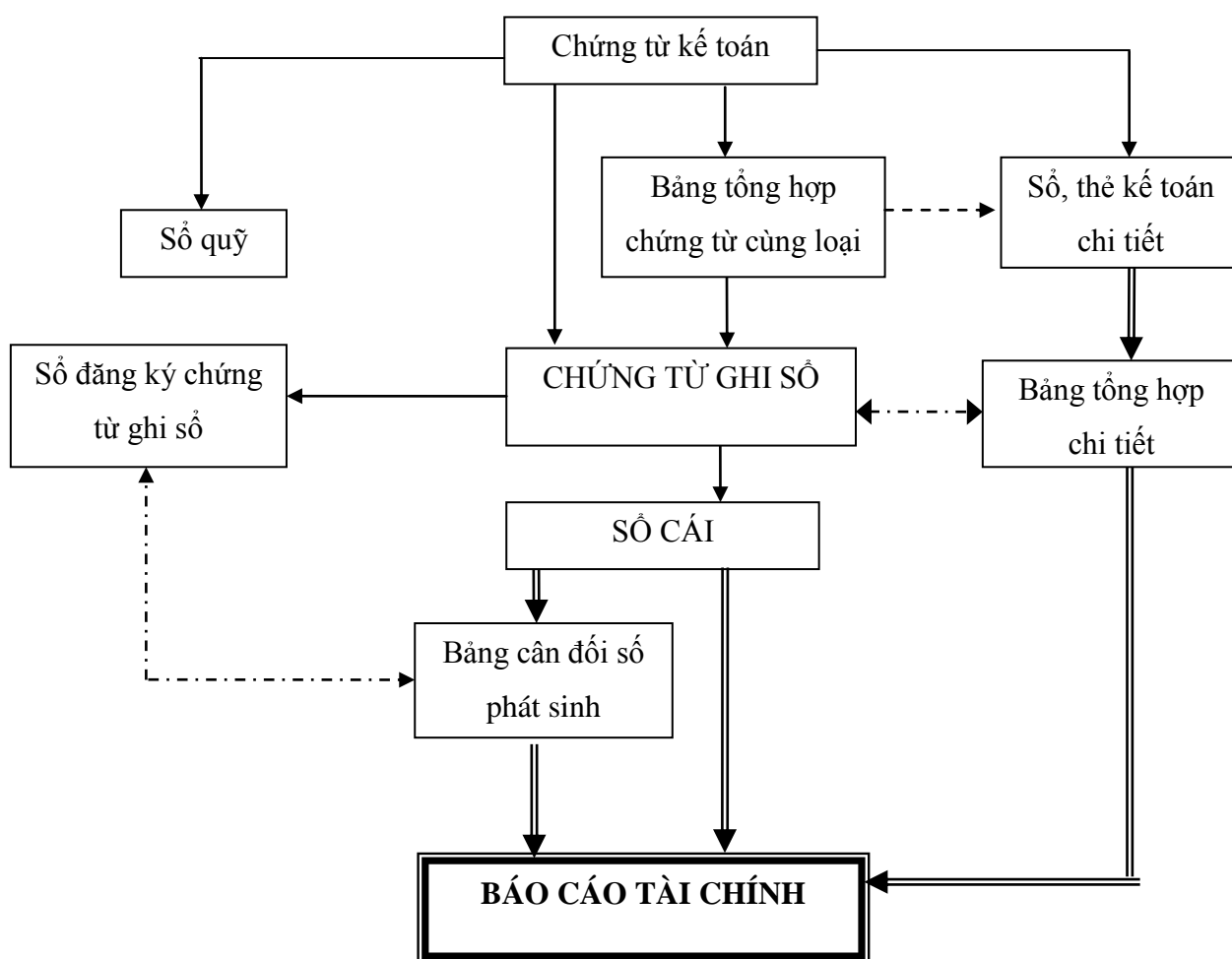
- Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền trong việc xác định giá NVL xuất kho.

- Sử dụng phương pháp thực tế đích danh trong việc xác định giá vốn hàng bán.
- TSCĐ được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đều.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

b, Hệ thống sổ sách kế toán.

Để giúp đơn vị quản lý hạch toán kế toán chính xác, kịp thời đáp ứng yêu cầu công tác quản lý kế toán, hiện nay công ty đã áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ với hệ thống sổ chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và các báo cáo kế toán theo hệ thống báo cáo của Bộ tài chính.

Sơ đồ 04: Sơ đồ tổ chức sổ kế toán theo hình thức CTGS



- Ghi hàng ngày: —————→
- Ghi cuối tháng: = = = = = →
- Đối chiếu, kiểm tra: <----->

Hàng tháng, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán các phần hành lập

Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, kế toán khoá sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong quý trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái, kế toán tổng hợp lại Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu, khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết), các sổ tổng hợp được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh nợ và Tổng số phát sinh có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau, và số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.

c, Hệ thống báo cáo của Công ty.

- Báo cáo tài chính:

+ Bảng cân đối kế toán.

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

+ Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

- Báo cáo quản trị: Được đưa ra phục vụ nhu cầu của các nhà quản lý của các nhà quản trị.

2.2. Thực trạng kế toán doanh thu tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.2.1.1. Hạch toán kế toán doanh thu thành phẩm

❖ Phương thức bán hàng:

Tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA chỉ có một phương thức bán hàng

duy nhất đó là bán hàng trực tiếp, khách hàng đến công ty lấy hàng trực tiếp tại kho.

❖ Cách xây dựng giá bán: Giá bán của công ty được xây dựng theo công thức:

$$\text{Đơn giá} = \text{Giá vốn} + \text{Lãi định mức}$$

+ Giá vốn là giá bao gồm tất cả chi phí sản xuất ra sản phẩm, cộng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Hay giá vốn là giá gốc hàng bán cộng các chi phí liên quan khác mà công ty phải chịu cho đến khi lô hàng được giao hẳn cho người mua.

+ Lãi định mức là khoản lợi nhuận do công ty đặt ra. Khoản lãi định mức này tùy theo điều kiện của công ty, mà công ty ấn định mức lãi này sao cho phù hợp với giá cả thị trường. Mức lãi cao hay thấp là phụ thuộc quan nhà quản lý, mục tiêu của công ty.

❖ Các chính sách bán hàng:

Công ty đưa ra các chính sách bán hàng căn cứ, dựa trên những đóng góp ý kiến của nhân viên phòng kinh doanh và mục tiêu cụ thể của nhà quản lý. Các chính sách bán hàng của Công ty cụ thể như sau:

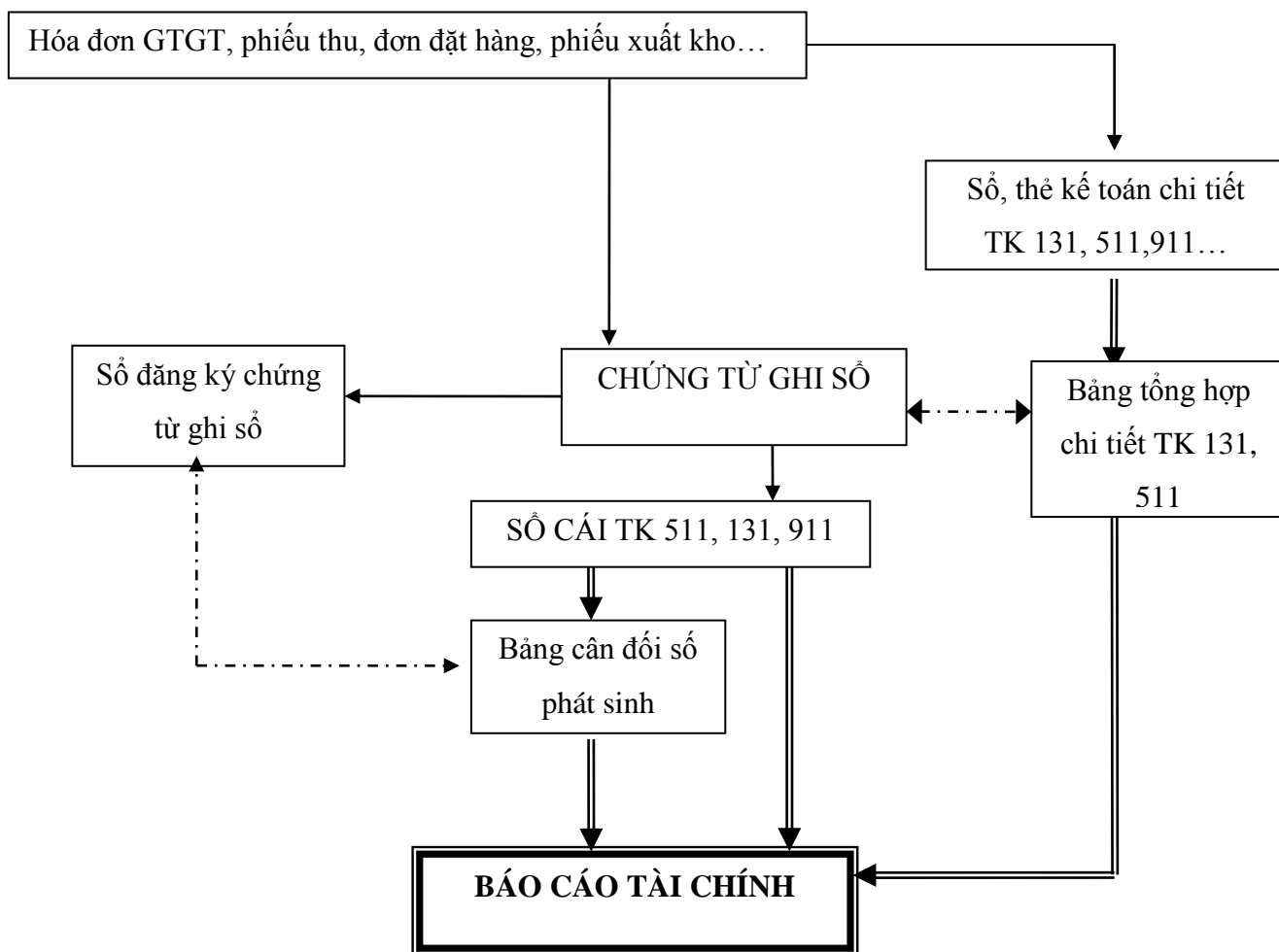
- Chính sách khuyến mại.
- Chiết khấu thương mại: ưu tiên khách hàng mua nhiều, khách hàng truyền thống, khách hàng thị trường mới.
- Hỗ trợ đại lý trong một số trường hợp.

❖ Chứng từ và sổ sách sử dụng:

- Đơn đặt hàng.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT,
- Phiếu thu
- Giấy báo có.
- Sổ chi tiết TK 511, 155, 632, 911.
- Chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái TK 511, 155, 632, 911.

❖ Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

Sơ đồ 04: Sơ đồ tổ chức sổ kế toán theo hình thức CTGS



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Giải thích quy trình:

- Phòng bán hàng cùng với khách hàng lập đơn đặt hàng, khách hàng cầm đơn đặt hàng đem cho kế toán kho. Dựa trên đơn đặt hàng của khách hàng kế toán kho lập phiếu xuất kho, phiếu xuất kho được lập làm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu
- + Liên 2: Giao cho khách hàng
- + Liên 3: Giao cho thủ kho

- Thủ kho căn cứ vào vào phiếu xuất kho và tình hình hàng hóa, thành phẩm

trong kho sẽ tiến hành xuất hàng cho khách. Sau đó ghi thẻ kho. Sau khi ghi vào thẻ kho thủ kho chuyển phiếu xuất kho cho kế toán kho. Kế toán kho sẽ tiến hành ghi sổ chi tiết TK 155, 156 và TK 632 cuối tháng lập bảng tổng hợp chi tiết TK 155, 156 và TK632.

- Sau khi nhận được hàng, khách hàng cầm phiếu xuất kho đến phòng bán hàng để phòng bán hàng lập hóa đơn bán hàng. Hóa đơn bán hàng được lập làm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu
- + Liên 2: Giao cho khách hàng
- + Liên 3: Giao cho kế toán công nợ.

- Sau đó phòng bán hàng lập phiếu thu, phiếu thu được lập làm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu
- + Liên 2: Giao cho khách hàng
- + Liên 3: giao cho thủ quỹ.

- Căn cứ trên phiếu thu, thủ quỹ tiến hành thu tiền của khách hàng và ghi vào sổ quỹ tiền mặt. Sau khi ghi xong, thủ quỹ chuyển phiếu thu cho kế toán công nợ.

- Dựa trên hóa đơn bán hàng và phiếu thu, kế toán công nợ kiểm tra lại chứng từ và vào sổ chi tiết 131. Trong trường hợp khách hàng thanh toán thông qua chuyển khoản qua ngân hàng kế toán dựa trên hóa đơn bán hàng và giấy báo có để tiến hành vào sổ chi tiết TK 131.

- Sau khi vào sổ sách xong, kế toán công nợ chuyển toàn bộ chứng từ cho kế toán tổng hợp vào sổ chi tiết, từ sổ chi tiết vào chứng từ ghi sổ, từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái và lưu trữ chứng từ.

Cu thể: Ngày 16/10/2010 phát sinh nghiệp vụ bán hàng theo hóa đơn số 0017826.

Chứng từ, sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm có:

- ✓ Đơn đặt hàng số 0844
- ✓ Hóa đơn (GTGT) số 0017826
- ✓ Phiếu thu bán hàng số 0128
- ✓ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 511.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 04:

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA

(Dùng cho cơ sở tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: tháng 10 năm 2010

Người nộp thuế: Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.

Mã số thuế: 0800282233

STT	Hóa đơn, chứng từ bán ra			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT	Ghi chú
	Ký hiệu hóa đơn	Số hóa đơn	Ngày, tháng, năm phát hành							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT										
1	AA/2010T	17682	6/10/2010	Nguyễn Văn Bình-Bắc Giang		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	25,000,000	5%	1,250,000	
2	AA/2010T	17683	6/10/2010	Phùng Đình Chiến-Hà Nội		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	64,500,000	5%	3,225,000	
3	AA/2010T	17684	6/10/2010	Nguyễn Thị Minh-Hung Yên		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	26,016,000	5%	1,300,800	
4	AA/2010T	17685	6/10/2010	Nguyễn Kim Bài-Hung Yên		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	28,000,000	5%	1,400,000	
5	AA/2010T	17686	6/10/2010	Lưu Xuân Thủy-Nam Định		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	54,370,000	5%	2,718,500	

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

...
60	AA/2010T	17826	16/10/2010	Nguyễn Thị Thanh-Hà Tĩnh		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	147,005,000	5%	7,350,250	
61	AA/2010T	17827	16/10/2010	An Thành Toại-Hải Dương		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	38,000,000	5%	1,900,000	
62	AA/2010T	17828	16/10/2010	Lương Quang Mừng-Hải Dương		Thức ăn chăn nuôi đậm đặc	67,483,220	5%	3,374,161	

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra: 41.330.733.677

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra: 2.066.536.684

Ngày 15 tháng 11 năm 2010
 NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
 NGƯỜI NỘP THUẾ
 GIÁM ĐỐC
 Phạm Đức Luận

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 05:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 177

Tháng 10/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán thành phẩm	131	511	41,330,733,677	Hóa đơn bán hàng
Doanh thu bán phế liệu	131	711	44,571,818	
Trả lại hàng không đạt chất lượng	131	152	5,568,182	
VAT hóa đơn hàng trả lại	131	133	556,818	
Thuế GTGT hàng bán ra	131	333	2,066,536,684	
Tổng cộng			43,447,967,179	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 06:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ NĂM 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
....
172	31/10/10	41.463.789.177
173	31/10/10	38.932.716.144
174	31/10/10	19.509.512.444
175	31/10/10	65.219.244.458
176	31/10/10	61.488.185.304
177	31/10/10	43.447.967.179
178	31/10/10	469.624.161
179	31/10/10	41,383,275,703
.....
Tổng		660.767.935.805
Cộng lũy kế từ đầu năm		7.046.724.315.559

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

Phạm Đức Luận

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 07:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán thành phẩm

Số hiệu tài khoản: 511

Năm 2010

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	-
...
			Số phát sinh trong tháng		-	-
31/10/10	177	31/10/10	Doanh thu bán thành phẩm	131	41,330,733,677	-
31/10/10	179	31/10/10	Kết chuyển doanh thu bán thành phẩm	911	-	41,330,733,677
			Cộng phát sinh tháng 10		41,330,733,677	41,330,733,677
			Số dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		632,265,113,917	632,265,113,917

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

Phạm Đức Luận

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

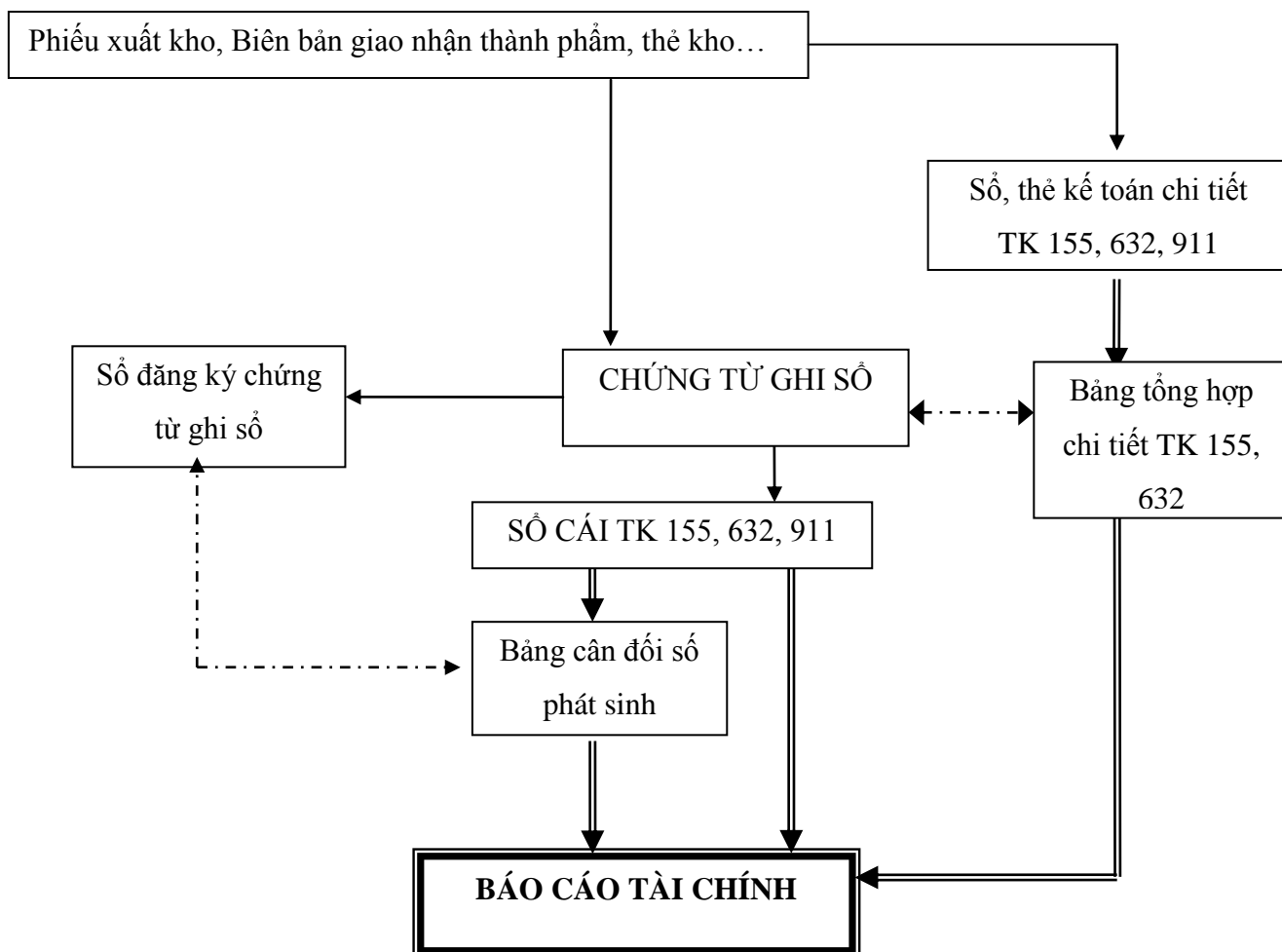
2.2.1.2 . Kế toán giá vốn hàng bán

Phương thức xác định giá vốn: giá vốn là giá bao gồm tất cả chi phí sản xuất ra sản phẩm, cộng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Hay giá vốn là giá gốc hàng bán cộng các chi phí liên quan khác mà công ty phải chịu cho đến khi lô hàng được giao hẳn cho người mua.

a, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- ✓ Phiếu xuất thành phẩm.
- ✓ Thẻ kho.
- ✓ Sổ chi tiết TK 155, 632.
- ✓ Chứng từ ghi sổ.
- ✓ Sổ cái TK 155, 632.

b, Sơ đồ luân chuyển chứng từ



Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

Giải thích quy trình:

Hàng ngày khách hàng đến bộ phận bán hàng cùng với nhân viên phòng bán hàng lập đơn đặt hàng, sau đó khách hàng cầm đơn đặt hàng chuyển cho kế toán kho.

Dựa trên đơn đặt hàng, kế toán kho tiến hành lập phiếu xuất kho thành phẩm. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên:

- + Liên 1: Lưu
- + Liên 2: Giao cho khách
- + Liên 3: Giao cho thủ kho

Căn cứ vào phiếu xuất kho và tình hình thành phẩm, hàng hóa trong kho, thủ kho tiến hành giao hàng cho khách và ghi vào thẻ kho, sau đó lưu lại phiếu xuất kho. Kế toán kho dựa trên phiếu xuất kho sẽ ghi sổ chi tiết TK 155, cuối tháng lập bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn thành phẩm rồi gửi cho kế toán tổng hợp. Kế toán dựa trên bảng tổng hợp Nhập – Xuất – Tồn mà kế toán kho giao cho để ghi vào sổ chi tiết TK 155 rồi từ sổ chi tiết vào chứng từ ghi sổ để từ đó vào Sổ cái.

Cu thể: Ngày 16/10/2010 Công ty CP thức ăn chăn nuôi VINA phát sinh nghiệp vụ bán thành phẩm. Những chứng từ, sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Đơn đặt hàng số 0844.
- ✓ Phiếu xuất kho số
- ✓ Sổ tổng hợp chi tiết TK 155.
- ✓ Sổ tổng hợp chi tiết TK 632.
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 632

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 09:

Đơn vị: CÔNG TY CP TÁC N VINA
Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 10 năm 2010

Nợ:

Số:

Có:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Văn Phường

Địa chỉ (Bộ phận): Kho

Lý do xuất kho: Xuất bán trực tiếp cho khách hàng

Xuất tại kho: Kho chính

STT	Tên, nhãn, quy cách, phẩm chất vật tư, sản phẩm hàng hóa, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vina S22 viên	122251	Bao 25	1250	1257,5	227,262	11,363,100
2	Vina S24 viên	124251	Bao 25	1250	1257,5	216,321	10,816,050
3	Vina 254 hạt	1254252	Bao 25	500	503	235,914	4,718,280
4	Vina 888 viên	1888401	Bao 40	7040	7066,4	327,159	57,579,984
5	Đông Á SH25 viên	825251	Bao 25	7500	7545	208,425	62,527,500
	Cộng	x	x	x	x	x	147,004,914

- Tổng số tiền: Một trăm bốn mươi bảy triệu không trăm linh bốn ngàn chín trăm mười bốn đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 16 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận hàng (Ký, họ tên)	Thủ kho (Ký, họ tên)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Giám đốc (Ký, họ tên)
---------------------------------	---------------------------------	-------------------------	--------------------------------	--------------------------

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 10:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮCN VINA

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 155 – THÀNH PHẨM

THÁNG 10/2010

NT	CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
		Dư đầu tháng 10		4,881,031,326	-
		Phát sinh tháng 10			
31/10/10		Sản phẩm hoàn thành nhập kho	154	41,890,918,003	-
31/10/10		Thành phẩm xuất tái chế	154	-	36,289,160
31/10/10		Giá vốn thành phẩm xuất kho	632	-	39,766,561,269
		Cộng phát sinh tháng 10		41,890,918,003	40,802,850,429
		Số dư cuối tháng 10		6,969,098,900	-

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 11:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮCN VINA

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT TK 632 – GIÁ VỐN THÀNH PHẨM XUẤT BÁN

THÁNG 10/2010

NT	CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS Nợ	PS Có
		Dư đầu tháng 10		-	-
		Phát sinh tháng 10			
31/10/10		Xuất vật tư khuyến mại cho đại lý	153	1,461,000	-
31/10/10		Giá vốn thành phẩm xuất kho	155	39,766,561,269	-
31/10/10		Kết chuyển giá vốn thành phẩm xuất kho	911	-	39,768,022,260
		Cộng phát sinh tháng 10		39,768,022,269	39,768,022,269
		Số dư cuối tháng 10		-	-

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 12:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 181

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Giá trị thành phẩm xuất tái chế	154	155	36,289,160	Thành phẩm xuất kho
Giá vốn thành phẩm xuất bán	632	155	39,766,561,269	
Tổng cộng			40,802,850,429	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 13:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Năm 2010

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
			Số phát sinh tháng 10		-	-
31/10/10	177	31/10/10	Xuất vật tư khuyến mại cho khách hàng	153	1,461,000	-
31/10/10	181	31/10/10	Giá vốn hàng thành phẩm xuất kho	155	39,766,561,269	-
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		39,768,022,269
			Cộng phát sinh tháng 10		39,768,022,269	39,768,022,269
			Số dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		597,060,033,304	597,060,033,304

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

Phạm Đức Luận

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

2.2.1.3. Kế toán chi phí bán hàng

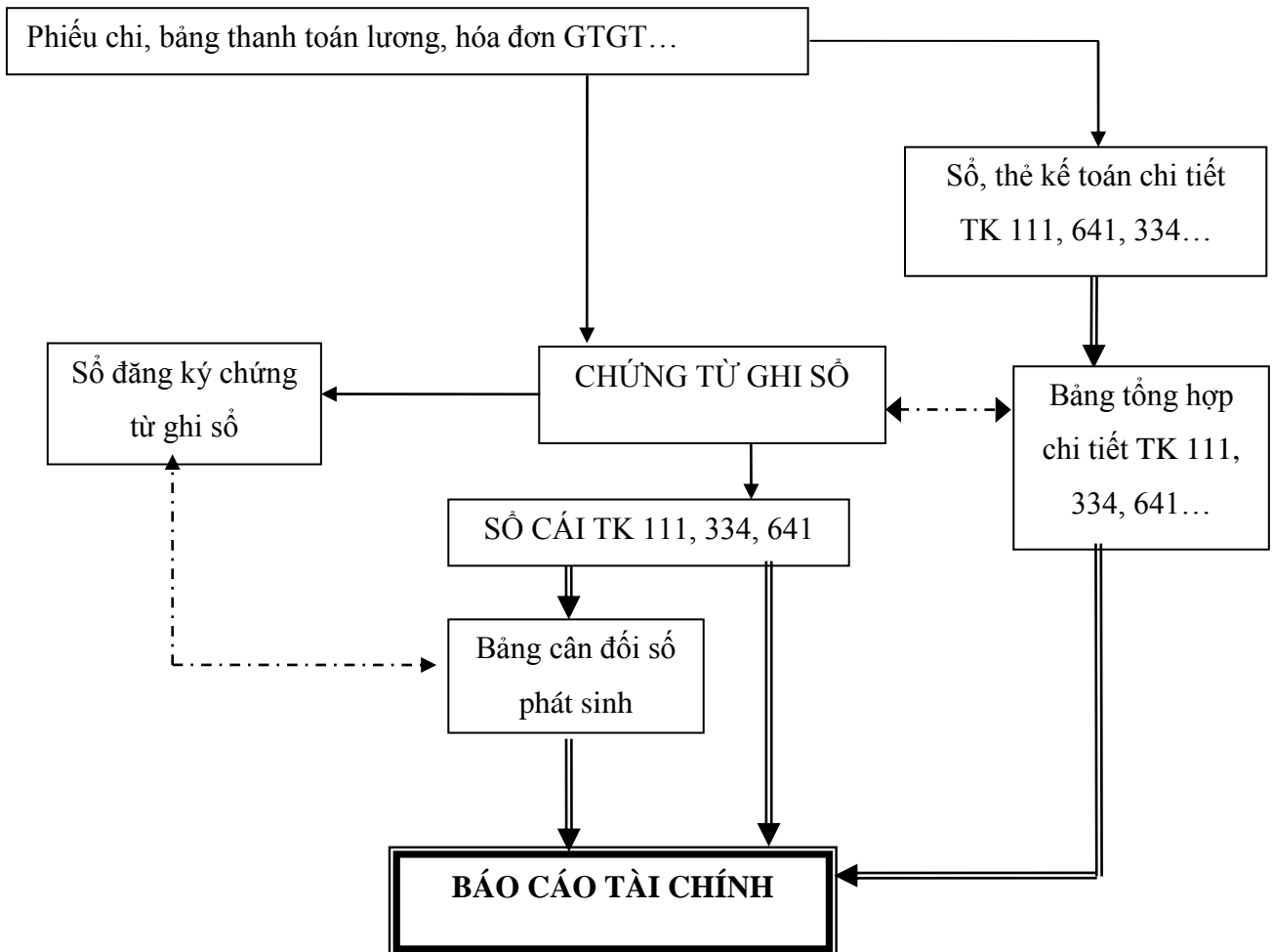
a, chứng từ và sổ sách sử dụng

- ✓ Phiếu chi
- ✓ Bảng thanh toán tiền lương
- ✓ Hóa đơn dịch vụ do bên ngoài cung cấp
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ chi tiết, sổ cái TK 641

b, Tài khoản sử dụng

Tài khoản 641: chi phí bán hàng.

c, Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

- Đối với phiếu chi, hóa đơn dịch vụ do bên ngoài cung cấp: khi nhà cung cấp gửi hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thủ quỹ lập phiếu chi tiền mặt dựa theo hóa đơn. Phiếu chi được lập làm hai liên, sau đó được chuyển cho giám đốc ký duyệt.

+ Liên 1: Lưu

+ Liên 2: Thủ quỹ giữ

Sau khi chi trả cho nhà cung cấp, thủ quỹ sẽ vào sổ quỹ tiền mặt. Sau đó phiếu chi và hóa đơn sẽ được chuyển cho kế toán tổng hợp để ghi vào sổ chi tiết và chứng từ ghi sổ, sổ cái.

- Căn cứ vào bảng chấm công, bảng mức lương, bảng thanh toán lương kế toán tổng hợp tiến hành ghi sổ chi tiết TK 641. Cuối tháng, kế toán lập chứng từ ghi sổ và sổ cái.

Cu thể: Ngày 25/10/2010 Công ty phát sinh nghiệp vụ trả tiền điện thoại phục vụ bán hàng. Các chứng từ kế toán và sổ sách liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Phiếu chi
- ✓ Sổ tổng hợp chi tiết TK 641
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 641

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 14:

Đơn vị: CÔNG TY CP TẮCN VINA

Mẫu số: 02 – TT

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI TIỀN MẶT

Ngày 25 Tháng 10 Năm 2010

Quyển số:

Số: 124

Nợ: 641

Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Phương Châm**

Địa chỉ: **Phòng bán hàng Công ty cổ phần TẮCN VINA**

Lý do chi: **Chi trả tiền điện thoại phục vụ bán hàng**

Số tiền: **3,753,924** đồng (Viết bằng chữ): **Ba triệu bảy trăm năm mươi ba ngàn chín trăm hai mươi bốn đồng chẵn.**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Giám đốc

Kế toán trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận tiền

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 15:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮCN VINA

SỔ CHI TIẾT TỔNG HỢP TK 641 – CHI PHÍ BÁN HÀNG

THÁNG 10 NĂM 2010

NT	CT	Diễn giải	TK ĐƯ	PS nợ	PS Có
		Dư đầu tháng 10		-	-
		Phát sinh tháng 10			
31/10/10		Chi phí bán hàng bằng tiền mặt	111	9,635,826	-
31/10/10		Chi phí bán hàng bằng chuyển khoản	112	1,998,374	-
31/10/10		Lương phải trả bộ phận bán hàng	334	244,167,209	-
31/10/10		BHXH, BHYT phải nộp cho bộ phận bán hàng	338	6,570,500	-
31/10/10		Kết chuyển chi phí bán hàng	911	-	262,371,909
		Cộng phát sinh tháng 10		262,371,909	262,371,909
		Số dư cuối tháng 10		-	-

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 16:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 188

Tháng 10/201

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	39,766,561,269	Xác định kết quả kinh doanh
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	389,461,257	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	262,371,909	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	329,043,212	
Kết chuyển lãi sản xuất	911	421	635,838,056	
Cộng			41,383,275,703	

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 17:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Năm 2010

NT ghi sổ	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		-	-
....
			Số dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	173	31/10/10	Chi phí bán hàng bằng tiền mặt	111	9,635,826	-
	176		Chi phí bán hàng bằng chuyển khoản	112	1,998,374	-
31/10/10	185	31/10/10	Lương phải trả bộ phận bán hàng	334	244,167,209	-
31/10/10	187	31/10/10	BHXH, BHYT phải nộp cho bộ phận bán hàng	338	6,570,500	-
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	-	262,371,909
			Cộng phát sinh tháng 10		262,371,909	262,371,909
			Số dư cuối tháng 10		-	-
....
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		6,281,998,999	6,281,998,999

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

2.2.1.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp mà không tách riêng ra được cho bất kỳ hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm nhiều loại như: chi phí quản lý kinh doanh, chi phí quản lý hành chính và chi phí chung khác.

Chi phí nhân viên quản lý là các khoản tiền lương phải trả cho cán bộ quản lý. Tiền lương (hay tiền công) là số tiền thù lao phải trả cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động mà họ đóng góp để tái sản xuất sức lao động bù đắp hao phí lao động của họ trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Ngoài chi phí tiền lương cho cán bộ quản lý còn có các chi phí khác như chi phí khấu hao tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định bị hao mòn dần, phần giá trị hao mòn đó được chuyển vào giá trị sản phẩm, công việc, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành dưới hình thức trích khấu hao tài sản cố định nhằm thu hồi vốn đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định để tái sản xuất tài sản cố định

Hiện nay Công ty cổ phần TẮCN VINA tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đường thẳng:

$$\text{Mức trích khấu hao hàng năm của TSCĐ} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Thời gian sử dụng}} = \text{Nguyên giá} * \text{Tỷ lệ KH}$$

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ} = \text{Nguyên giá TSCĐ} * \text{Giá trị hao mòn lũy kế}$$

Căn cứ vào thời gian tối thiểu và tối đa sử dụng TSCĐ, công ty tiến hành lập sổ tài sản. Hàng tháng kế toán căn cứ vào khấu hao (được phản ánh trên sổ tài sản) để vào sổ chi tiết tài khoản 642.

Về các chi phí dịch vụ mua ngoài được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền điện thoại, tiền điện, tiền nước, chi phí đặt báo...

a, Chứng từ sổ sách sử dụng

- ✓ Phiếu chi
- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Phiếu thu phí chuyển khoản

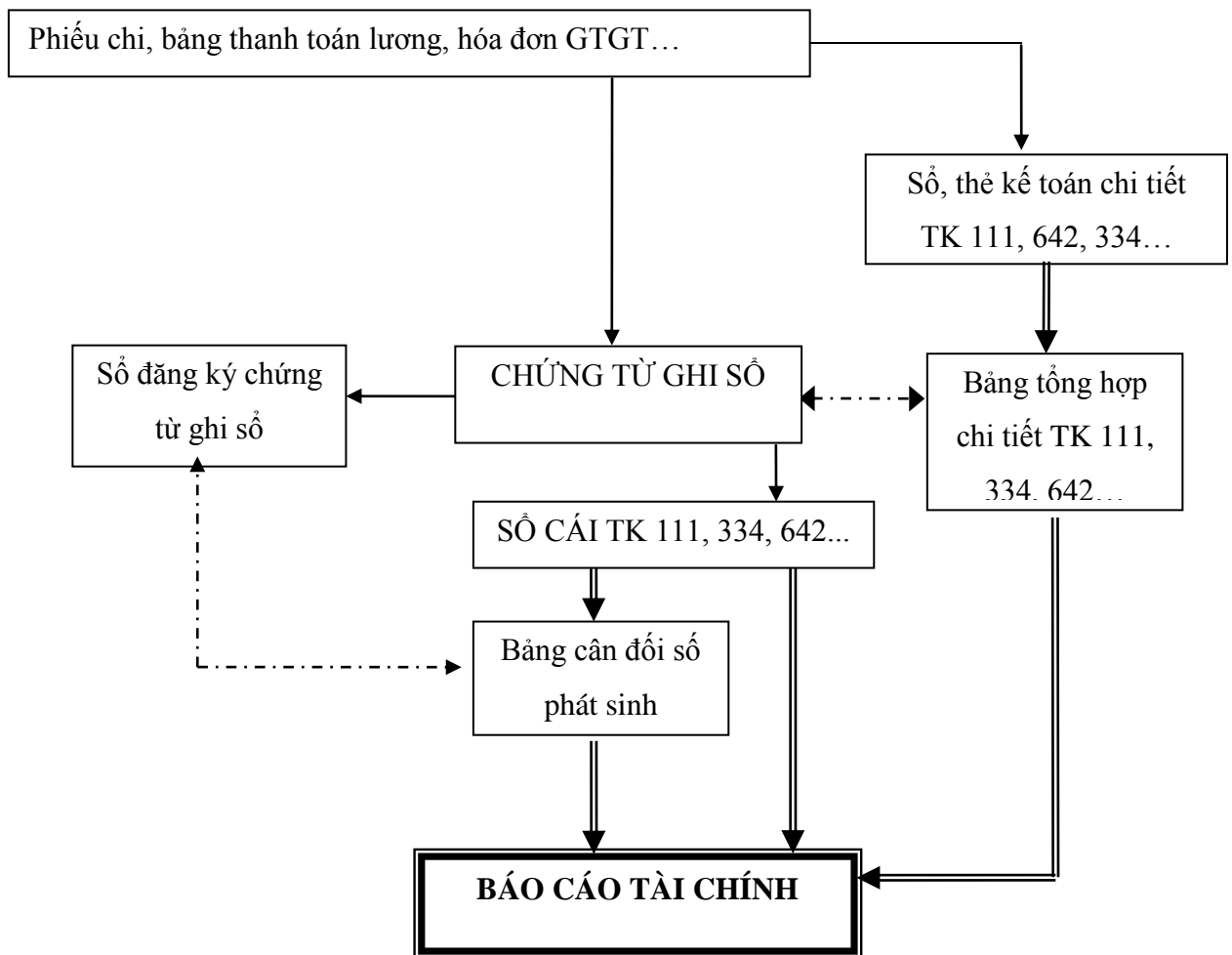
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- ✓ Hóa đơn dịch vụ do bên ngoài cung cấp
- ✓ Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn
- ✓ Bảng phân bổ khấu hao
- ✓ Bảng thanh toán lương
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ chi tiết, sổ cái TK 642

b, Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

c, Quy trình luân chuyển chứng từ



Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.->

Cu thể: Trong tháng 10 Công ty Cổ phần TẮCN VINA tiến hành trích khấu hao tài sản cố định. Các chứng từ sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Bảng phân bổ khấu hao
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 642

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 18:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/03/2006 của BTC

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 178

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	TKĐƯ		Số tiền		Ghi chú
	Nợ	Có	Nợ	Có	
Trích khấu hao vào CP quản lý	642	214	70.684.078	70.684.078	Tập hợp hao mòn TSCĐ
Trích khấu hao vào CP SXC	627	214	398.940.083	398.940.083	
Cộng			469.624.161	469.624.161	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 19:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1b-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
			Số dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	173	31/10/10	Chi phí quản lý bằng tiền mặt	111	40,943,651	-
31/10/10	176	31/10/10	Chi phí quản lý bằng chuyển khoản	112	35,598,832	-
31/10/10	178	31/10/10	Trích khấu hao vào chi phí	214	70,684,078	-
31/10/10	185	31/10/10	Lương phải trả bộ phận quản lý	334	146,838,800	-
31/10/10	186	31/10/10	Phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn vào CPQL	142	18,833,768	-
31/10/10	186	31/10/10	Phân bổ chi trước dài hạn vào CPQL	242	8,475,829	-
31/10/10	187	31/10/10	BHXH, BHYT phải nộp cho bộ phận quản lý	338	7,668,254	-
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí quản lý	911	-	329,043,212
			Cộng phát sinh tháng 10		329,043,212	329,043,212
			Số dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		5,449,205,545	5,449,205,545

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.2.2.1. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính của công ty chỉ có được là do số tiền gửi ở các các ngân hàng bằng đồng Việt Nam để phục vụ việc thanh toán tiền thông qua chuyển khoản, nhưng chưa sử dụng đến nên công ty nhận được lãi.

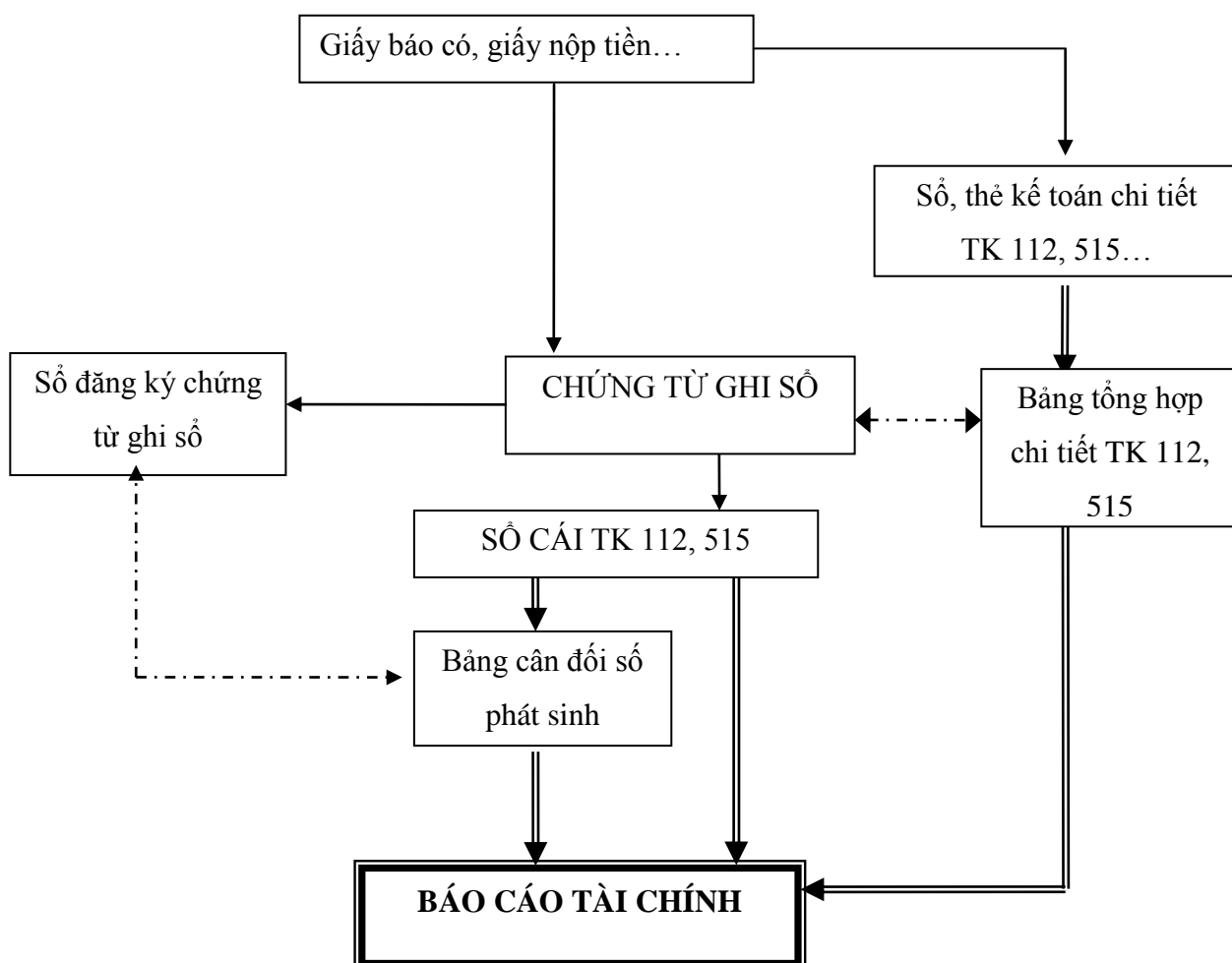
a, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- ✓ Giấy báo có
- ✓ Sổ chi tiết TK 515
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 515

b, Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- ✓ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

c, Quy trình luân chuyển chứng từ



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ghi hàng ngày: 

Ghi cuối tháng: 

Đối chiếu, kiểm tra: 

Giải thích sơ đồ:

- Với khoản tiền gửi vào ngân hàng, hàng tháng ngân hàng gửi Giấy báo có tới công ty, kế toán tổng hợp tiếp nhận

- Căn cứ vào giấy báo có, kế toán tổng hợp tiến hành ghi vào sổ chi tiết TK 515, rồi từ sổ chi tiết vào chứng từ ghi sổ để vào Sổ cái. Chứng từ sử dụng xong kế toán tổng hợp lưu lại.

Cu thể: Ngày 25/10/2010 Công ty nhận được Giấy báo có của ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hải Dương. Chứng từ và sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Giấy báo có số 205
- ✓ Sổ chi tiết TK 515
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 515

Biểu số 20:

VIETCOMBANK

Mattv: 090

Chi nhánh Hải Dương

GIẤY BÁO CÓ LÃI TIỀN GỬI

Tên đơn vị: Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

Số tài khoản: 0341000053842

Số CIF: 0901541

Từ ngày

Đến ngày

Tiền lãi
7,970,208

01/10

31/10

Thanh toán viên

Kiểm soát viên

Trưởng phòng

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 21:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

SỐ: 175

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Thu tiền bán hàng bằng chuyển khoản	112	131	37,760,848,760	Bảo có ngân hàng
Bảo hiểm trả tiền bồi thường hàng thiếu	112	138	50,698,748	
Thu lãi tiền gửi VNĐ	112	515	7,970,208	
Cộng			37,819,517,716	

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 22:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Năm 2010

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
...
			Dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	175	31/10/10	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	112	-	7,970,208
31/10/10	179	31/10/10	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	7,979,208	-
			Cộng phát sinh tháng 10		7,979,208	7,979,208
			Số dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		-	-

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

2.2.2.2. Kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính của công ty chỉ phát sinh do trả nợ vay ngân hàng. Tại các ngân hàng mà công ty vay vốn, công ty mở luôn một tài khoản tiền gửi tại ngân hàng đó để thuận tiện cho việc giao dịch và chi trả lãi vay.

a, Chứng từ và sổ sách sử dụng

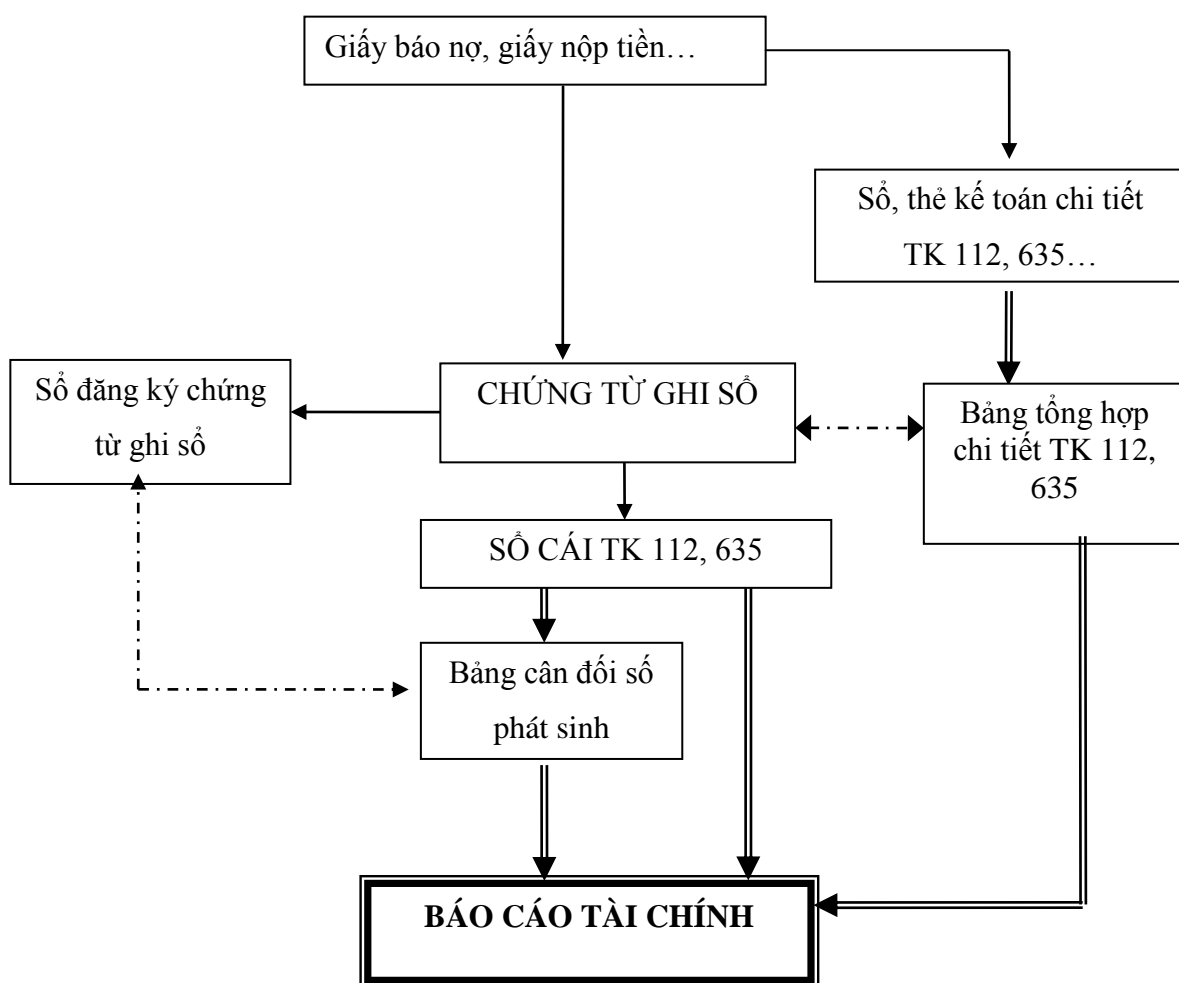
- ✓ Giấy báo nợ
- ✓ Sổ chi tiết TK 635
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 635

b, Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 635: Chi phí tài chính
- ✓ TK 112: tiền gửi ngân hàng

c, Sơ đồ luân chuyển chứng từ

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ==>

Đối chiếu, kiểm tra: <-.-.-.-.->

Giải thích sơ đồ:

Định kỳ ngân hàng thu lãi tiền vay của công ty và gửi Giấy báo nợ về công ty, kế toán tổng hợp tiếp nhận Giấy báo nợ rồi ghi vào sổ chi tiết TK 635 và lưu lại chứng từ, cuối tháng từ sổ chi tiết 635 ghi vào chứng từ ghi sổ, và từ chứng từ ghi sổ vào sổ cái.

Cu thể: Ngày 18/10/2010 công ty phải chi trả lãi vay ngân hàng theo Giấy báo Nợ số 199. Các chứng từ và sổ sách liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Giấy báo lãi số 199
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 635

Biểu số 23:

VIETCOMBANK
Chi nhánh Hải Dương

GIẤY NỘP TIỀN

Mã số: 2005 – DV/45
Liên 3
Ngày 18/10/2010

ĐỀ NGHỊ GHI CÓ TÀI KHOẢN:

Số tài khoản: 0341000053842

Tên tài khoản: Công ty CP TẮCN VINA

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Sách – TP Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Ngân hàng: VIETCOMBANK

Nội dung: Trả nợ lãi vay

Số tiền: 389,461,257 (Viết bằng chữ): Ba trăm tám chín triệu bốn trăm sáu mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng chẵn.

Người nộp tiền

Giao dịch viên

Kiểm soát

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 24:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

SỐ: 176

Tháng 10 năm 2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Chuyển tiền mua nguyên vật liệu	151	112	413,930,156	Bảo nợ ngân hàng
Mua nguyên vật liệu nhập kho	152	112	65,438,424	
Mua vật tư nhập kho bằng chuyển khoản	153	112	22,737,771	
Trả lương nhân viên bằng chuyển khoản	334	112	244,859,664	
Trả tiền vay ngắn hạn	311	112	25,476,228,219	
Trả lãi tiền ngắn hạn	635	112	389,461,257	
Trả nợ người bán bằng chuyển khoản	331	112	50,052,454,995	
Nộp thuế thu nhập cá nhân	333	112	16,356,444	
Nộp BHXH, BHYT	338	112	91,281,064	
...	
Cộng				

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 25:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: chi phí tài chính

Số hiệu: 635

NT ghi số	CT ghi số		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
...
			Dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	176	31/10/10	Trả lãi tiền vay ngắn hạn	112	389,461,257	
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí tài chính	911		389,461,257
			Cộng phát sinh tháng 10		389,461,257	389,461,257
			Số dư cuối tháng 10		-	-
....
			Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm		1,242,633,729	1,242,633,729

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả khác tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

2.2.3.1. Hạch toán thu nhập khác

Khoản thu nhập khác của công ty là các khoản thu nhập khi bán phế liệu, thanh lý tài sản cố định, bán máy móc thiết bị...

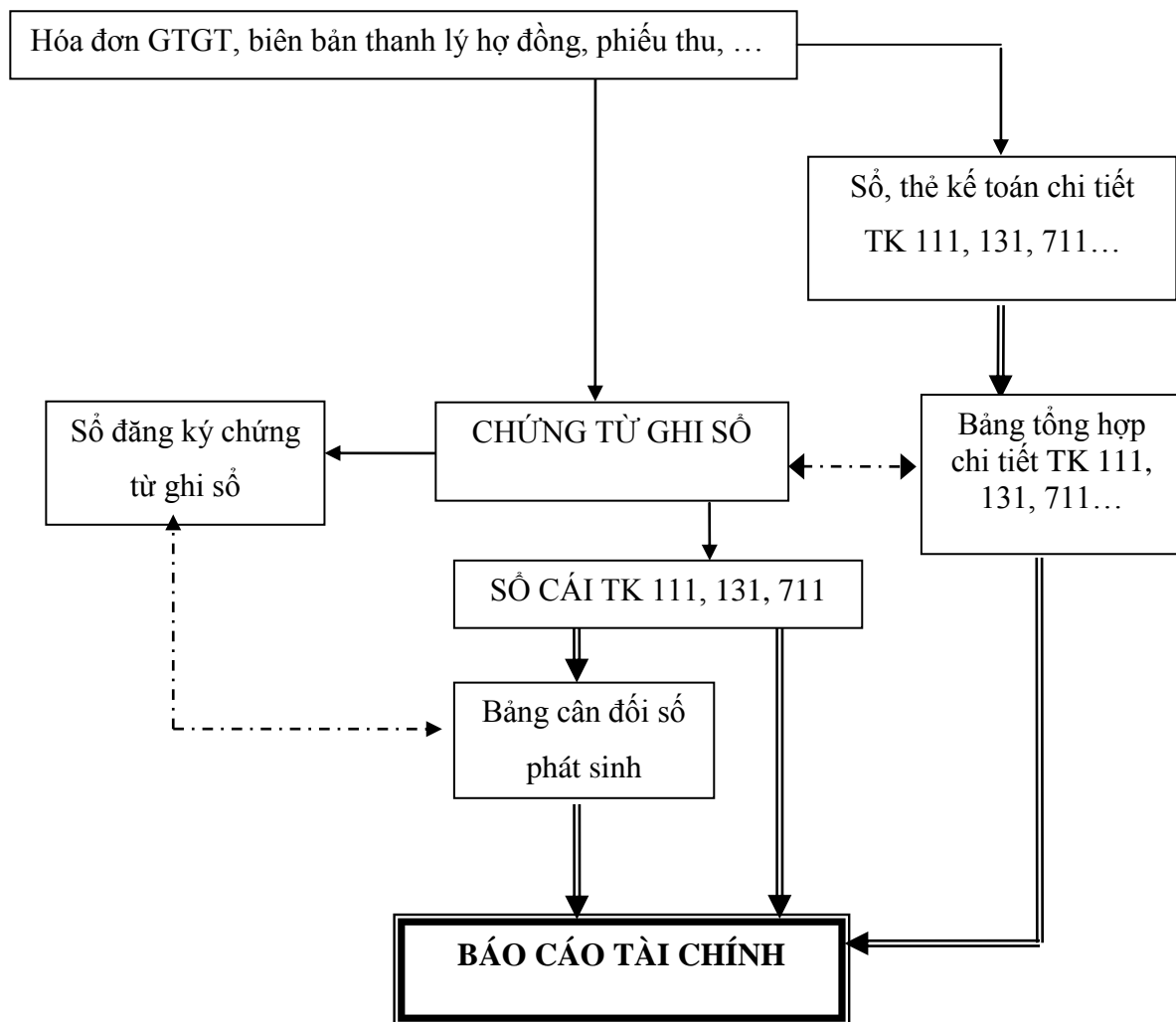
a, Các chứng từ kế toán và sổ sách sử dụng

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Biên bản thanh lý hợp đồng
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Sổ chi tiết TK 711
- ✓ Sổ cái TK 711

b, Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 711: Thu nhập khác
- ✓ TK 111: Tiền mặt
- ✓ TK 131: Phải thu của khách hàng

c, sơ đồ luân chuyển chứng từ



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Giải thích sơ đồ:

Căn cứ vào tình hình phế liệu (bao bì) có trong kho, khi khách hàng đến mua bao bì phế liệu, thủ kho tiến hành lập phiếu xuất kho bao bì. Phiếu xuất kho bao bì được lập làm 2 liên:

- + Liên 1: Thủ kho lưu lại và dùng để ghi vào thẻ kho
- + Liên 2: Giao cho khách hàng kèm bao bì

Dựa trên phiếu xuất kho bao bì mà khách hàng đưa cho, phòng bán hàng tiến hành lập hóa đơn bán hàng. Hóa đơn bán hàng được lập làm 3 liên:

- + Liên 1: Lưu

+ Liên 2: Giao cho khách

+ Liên 3: Giao cho kế toán công nợ

Sau khi nhận phiếu thu, thủ quỹ thu tiền của khách hàng và tiền hành ghi sổ quỹ, sau đó chuyển phiếu thu cho kế toán công nợ.

Kế toán công nợ dựa trên hóa đơn bán hàng và phiếu thu sẽ ghi sổ chi tiết TK 131 sau đó chuyển bằng chuyển toàn bộ chứng từ cho kế toán tổng hợp.

Căn cứ theo chứng từ nhận được, kế toán tổng hợp sẽ vào sổ chi tiết TK 711 đồng thời lưu lại chứng từ, cuối kỳ từ sổ chi tiết vào chứng từ ghi sổ để từ đó vào sổ cái.

Cu thể: Ngày 15/10/2010 công ty xuất bán phế liệu (bao bì) theo hóa đơn GTGT số 0017786. Những chứng từ và sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Phiếu thu
- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 711

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 26:

Đơn vị: CÔNG TY CP TÁC N VINA
Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Mẫu số: 02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 10 năm 2010
Số:

Nợ:
Có:

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Xuân Mười

Địa chỉ (Bộ phận): Kho bao bì

Lý do xuất kho: Xuất bán trực tiếp cho khách hàng

Xuất tại kho: Kho bao bì

STT	Tên, nhãn, quy cách, phẩm chất vật tư, sản phẩm hàng hóa, dụng cụ	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Bao bì	155538	Kg	2560	2560	4500	11,520,000
	Cộng	x	x	x	x	x	11,520,000

- Tổng số tiền: Mười một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 30 tháng 10 năm 2010

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CP TẮCN VINA

ĐC: Khu công nghiệp Nam Sách – xã Ái Quốc – TP Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

ĐT: 03203 752652 – Fax: 03203 752666

TK: 034000053842 – NH Ngoại Thương – Hải Dương

Mã số thuế: 0800282233

HÓA ĐƠN (GTGT)
Liên 1: Lưu

Mẫu số: **01GTKT – 3LL-01**

Ký hiệu: **AA/2010T**

Số hóa đơn: **0017786**

Ngày: 30/10/2010

Tên khách hàng: Nguyễn Xuân Mươi

Địa chỉ: Phường Bình Hàn – TP Hải Dương – Tỉnh Hải Dương

Mã số thuế khách hàng:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng	ĐVT	Đơn giá	Thành tiền
Bao bì	2560	Kg	4,500	11,520,000
Cộng tiền hàng:				11,520,000
Thuế GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT: 1,152,000
Tổng cộng tiền thanh toán:				12,672,000
Số tiền : Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng chẵn				

Khách hàng
(ký, ghi rõ họ tên)

Người lập hóa đơn
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện công ty
(ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: trích số liệu từ phòng kế toán)

Biểu số 28:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA
Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Mẫu số: 01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của BTC)

PHIẾU THU BÁN HÀNG

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Quyển số:

Số: 0363

Nợ: 111

Có: 131

Họ tên người nộp tiền: **Nguyễn Xuân Mười**

Địa chỉ: **Phường Bình Hàn – TP Hải Dương – tỉnh Hải Dương**

Lý do nộp tiền: **Thu theo hóa đơn số 0017786**

Số tiền: **12,672,000** (Viết bằng chữ): **Mười hai triệu sáu trăm bảy mươi hai ngàn đồng chẵn**

Kèm theo: chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 10 năm 2010

Giám đốc Kế toán trưởng Người nộp tiền Người lập phiếu Thủ quỹ

(Nguồn dữ liệu: trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 29:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 184

Tháng 10/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Doanh thu bán thành phẩm	131	511	41,330,733,677	Hóa đơn bán hàng
Doanh thu bán phế liệu	131	711	44,571,818	
Trả lại hàng không đạt chất lượng	131	152	5,568,182	
VAT hóa đơn hàng trả lại	131	133	556,818	
Thuế GTGT hàng bán ra	131	333	2,066,536,684	
Tổng cộng			43,447,967,179	

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 30:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02b-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

NT ghi số	CT ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
...
			Dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	184	31/10/10	Bán bao bì phế liệu	131	-	44,571,818
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển thu nhập khác	911	44,571,818	-
			Cộng phát sinh tháng 10		44,571,818	44,571,818
			Dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm		2,135,317,031	2,135,317,031

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng phòng kế toán)

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

a, Tài khoản sử dụng

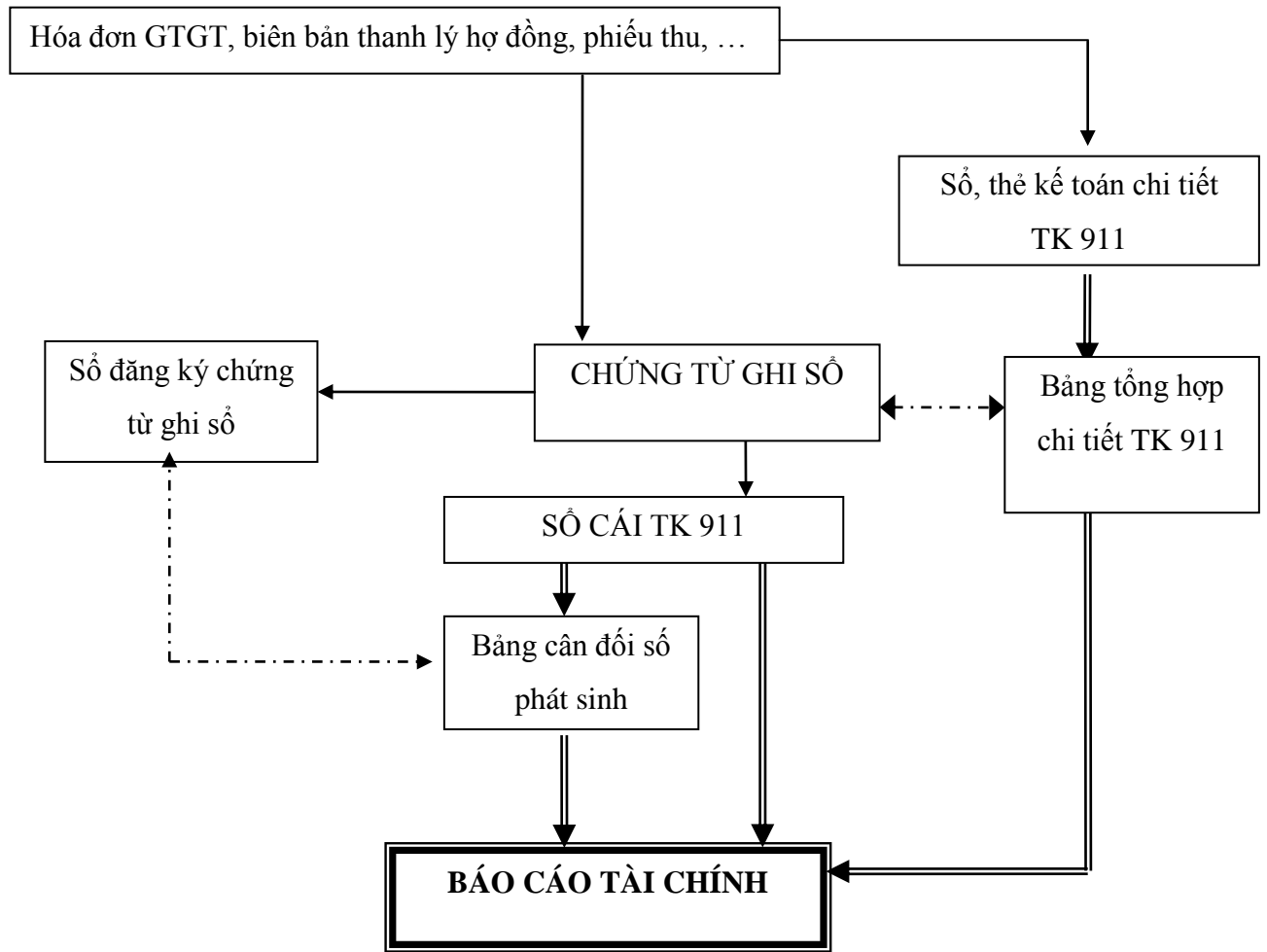
- ✓ TK 511: Doanh thu bán hàng thành phẩm
- ✓ TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- ✓ TK 632: Giá vốn hàng bán
- ✓ TK 635: Chi phí tài chính
- ✓ TK 641: Chi phí bán hàng
- ✓ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- ✓ TK 711: Thu nhập khác
- ✓ TK 811: Chi phí khác
- ✓ TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- ✓ TK 421: Lãi thành phẩm chưa phân phối

b, Chứng từ và sổ sách sử dụng

- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Các sổ chi tiết và sổ cái liên quan: TK 511, 515, 632, 642...

c, Sơ đồ luân chuyển

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ghi hàng ngày: \longrightarrow

Ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra: \longleftrightarrow

Cu thể: Căn cứ số liệu và tình hình hoạt động kinh tế tháng 10/2010, kế toán tổng hợp tiến hành xác định kết quả kinh doanh. Những chứng từ và sổ sách liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh này gồm:

- ✓ Chứng từ ghi sổ
- ✓ Sổ cái TK 911, 421
- ✓ Báo cáo kết quả kinh doanh

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 31:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày

20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 179

Tháng 10/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển doanh thu bán hàng thành phẩm	511	911	41,330,733,677	Xác định kết quả kinh doanh
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	7,970,208	
Thu nhập khác	711	911	44,571,818	
Cộng			41,383,275,703	

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 32:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02a-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số: 188

Tháng 10/201

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	39,766,561,269	Xác định kết quả kinh doanh
Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	389,461,257	
Kết chuyển chi phí bán hàng	911	641	262,371,909	
Kết chuyển chi phí QLDN	911	642	329,043,212	
Kết chuyển lãi sản xuất	911	421	635,838,056	
Cộng			41,383,275,703	

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 33:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Năm 2010

NT ghi số	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	-
...
			Dư đầu tháng 10		-	-
31/10/10	179	31/10/10	Kết chuyển doanh thu bán thành phẩm	511	41,330,733,677	-
31/10/10	179	31/10/10	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	7,970,208	-
31/10/10	179	31/10/10	Kết chuyển thu nhập khác	711	44,571,818	-
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển giá vốn thành phẩm	632	-	39,766,561,269
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí bán hàng	641	-	262,371,909
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí QLDN	642	-	329,043,212
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển chi phí tài chính	635	-	389,461,257
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển lãi sản xuất	421	-	635,838,056
			Cộng phát sinh tháng 10		41,383,275,703	41,383,275,703
			Số dư cuối tháng 10		-	-
...
			Cộng phát sinh lũy kế từ đầu năm		634,400,430,900	634,400,430,900

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Huệ

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 34:

Đơn vị: Công ty CP TẮCN VINA

Mẫu số S02c1-DN

Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Năm 2010

NT ghi số	Chứng từ ghi số		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Dư đầu năm		-	38,131,187
...
			Dư đầu tháng 10		-	1,168,150,264
31/10/10	188	31/10/10	Kết chuyển lãi tháng 10		-	635,838,056
			Cộng phát sinh tháng 10		-	635,838,056
			Số dư cuối tháng 10		-	1,803,988,320
...
			Cộng lũy kế phát sinh từ đầu năm		-	44,944,835,129

Kế toán

Đỗ Thị Huệ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng

Phạm Thị Nụ

(Nguồn dữ liệu: Trích số liệu từ phòng kế toán)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CP TẮCN VINA
Địa chỉ: KCN Nam Sách – Hải Dương

Mẫu số B02-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 10 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số tháng này
1	2	3	4
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	41,330,733,677
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	-
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	VI.27	41,330,733,677
4.Giá vốn hàng bán	11	VI.28	39,766,561,269
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		1,564,172,410
6.Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	7,970,208
7.Chi phí tài chính	22	VI.30	389,461,257
-Trong đó: chi phí lãi vay	23		389,461,257
8.Chi phí bán hàng	24		262,371,909
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		329,043,212
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24 + 25)	30		591,266,240
11. Thu nhập khác	31		44,571,818
12. Chi phí khác	32		-
13. Lợi nhuận khác	40		44,571,818
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		635,838,058
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.31	47,687,854
16. Thuế thu nhập hoãn lại	52	VI.32	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		588,150,202
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		

Qua việc tổ chức hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty, ta thấy doanh của công ty tương đối đầy đủ đúng theo chế độ quy định. Công ty đang trong thời gian được hưởng mức thuế ưu đãi là 15% (được giảm 50%) do là cơ sở sản xuất kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư.

Tuy nhiên trong hoạt động tiêu thu công ty có thực hiện chính sách chiết khấu thương mại, nhưng công ty chưa tổ chức theo dõi chi tiết cho khoản mục này. Vì vậy việc theo dõi khoản mục chiết khấu thương mại khó cung cấp thông tin cho nhà quản lý.

CHƯƠNG III

**MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ
CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA**

**3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH
DOANH, VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC
ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN
CHĂN NUÔI VINA**

Sau thời gian thực tập được tiếp cận với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA nói chung và Phòng kế toán nói riêng, trên cơ sở thực tế em có một số nhận xét sau:

3.1.1. Những mặt đạt được

- Công ty có đội ngũ cán bộ làm công tác hạch toán cũng như cán bộ quản lý có trình độ, tuổi trẻ nhiệt tình và kỹ năng tốt... đã tạo điều kiện cho việc hạch toán chính xác, kịp thời vào sổ sách và các báo cáo tài chính cung cấp thông tin cho nhà quản lý nhanh chóng đầy đủ.

- Công ty đã sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định của bộ tài chính, thực hiện đúng theo nguyên tắc hạch toán kế toán, phản ứng chính xác số dư, số phát sinh đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thành lập bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh của kế toán tổng hợp được chính xác.

- Để hạch toán vào các loại sổ cần phải có căn cứ hợp lý. Các chứng từ sử dụng tại công ty đều theo đúng mẫu quy định của Bộ tài chính (Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, phiếu thu, phiếu chi...). Mỗi phân hành kế toán đều ứng với mỗi chứng từ riêng không có sự lẫn lộn. Nhờ có sự phân biệt rõ ràng giữa các loại chứng từ này mà việc hạch toán các phân hành cũng chính xác hơn.

- Quy mô sản xuất kinh doanh của công ty khá lớn nhưng công tác tiêu thụ gọn nhẹ. Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến tiêu thụ sản phẩm đều được sử lý để vào sổ ngay, do đó kế toán phản ánh rất chính xác, đầy đủ và kịp

thời.

- Hoạt động tài chính: một số hoạt động khác không phải là lĩnh vực chủ yếu của doanh nghiệp nhưng doanh thu và chi phí hoạt động đều được kế toán phản ánh tương đối đầy đủ.

3.1.2. Những tồn tại

- Đối với công tác kế toán

+ Công ty có cách tính giá vốn chưa thật chính xác cho từng sản phẩm. Giá vốn của tất cả sản phẩm được tính bình quân và chia theo khối lượng bao bì đóng gói, cụ thể:

- Giả sử trong tháng 10 năm 2010 tổng chi phí sản xuất sản phẩm là A đồng
- Tổng khối lượng toàn bộ sản phẩm sản xuất ra là B Kg
- Giá vốn của một bao VNS 24 dạng bột, khối lượng 25Kg sẽ là: $25 * A/B$

Không phân biệt đó là sản phẩm đậm đặc, dạng viên hay dạng bột, thành phần pha trộn hóa chất như thế nào công ty đều tính giá vốn bằng phương pháp chia bình quân.

Mặc dù cách tính giá vốn này mới nhìn sẽ không thấy ảnh hưởng nhiều đến việc tập hợp chi phí và tính thuế thu nhập doanh nghiệp song thực tế nó có ảnh hưởng rất lớn.

+ Trong hoạt động tiêu thụ: Công ty có sử dụng chính sách bán hàng là chiết khấu thương mại. Nhưng công ty không mở tài khoản 521 để theo dõi, tuy không sai nguyên tắc nhưng gây khó khăn cho quản lý.

+ Đối với hai khoản chi phí: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty phát sinh khá nhiều. Nhưng Công ty không theo dõi chi tiết cho từng khoản mục chi phí như chi phí nhân viên, chi phí vật tư, chi phí dịch vụ mua ngoài...Nên việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý chưa được chi tiết, nhà quản lý không biết được khoản mục chi phí nào trong hai chi phí đó phát sinh nhiều, không hiệu quả và tác động không tốt đến lợi nhuận.

+ Tại công ty, kế toán tổng hợp phải thực hiện một khối lượng công việc khá lớn. Một phần là do công ty thực hiện công tác hạch toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ, đồng thời kế toán phải đảm nhiệm thêm công tác kế toán Tài sản cố định,

kế toán chi phí, theo dõi sổ chi tiết đồng thời với kế toán khác. Làm cho việc lên báo cáo, sổ sách cung cấp thông tin cho nhà quản lý bị ảnh hưởng, chậm trễ.

+ Công ty đã mua phần mềm kế toán máy, song phần mềm này hoạt động không hiệu quả, không phục vụ được nhiều cho công tác kế toán. Hầu như các kế toán vẫn phải sử dụng công cụ Excel để làm việc và vào sổ sách chứng từ, tính toán hay lên báo cáo, nên khối lượng công việc nhiều và không nhanh chóng, có thể bị nhầm lẫn sai sót.

- Đối với công tác tiêu thụ:

+ Công ty chưa linh hoạt trong phương thức thanh toán: hiện nay công ty đã cho khách hàng thanh toán với cả hai hình thức tiền mặt và thông qua ngân hàng. Nhưng nếu thanh toán bằng tiền mặt, thì chỉ cho nợ một số tiền nhỏ với điều kiện phải có người bảo lãnh. Vì vậy khách hàng gặp rất nhiều khó khăn trong trường hợp khi đi lấy hàng mà mang thiếu tiền. Không những vậy, nhiều khách hàng của công ty ở rất xa như Nghệ An, Thanh Hóa, Yên Bái...khi đi mua hàng phải mang trực tiếp theo một số tiền lớn, nên không thuận tiện.

+ Đội ngũ nhân viên phục vụ việc xuất hàng cho khách hàng còn thiếu, khách hàng phải chờ đợi nhiều, gây mất thời gian.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

Khi Việt Nam chuyển sang nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải quan tâm nhiều hơn về sản phẩm và hoạt động kinh doanh của họ. Do vậy, các doanh nghiệp rất cần các thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời về tình hình tiêu thụ lãi lỗ thức tế của doanh nghiệp. Từ đó, doanh nghiệp sẽ đưa ra các biện pháp để giải quyết, khắc phục các vấn đề nảy sinh trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này có thể lấy từ nhiều nguồn khác nhau nên phải có sự thu thập và chọn lọc thông tin. Thu thập thông tin từ phòng kế toán là việc mà doanh nghiệp vẫn luôn thực hiện do vậy kế toán là một công cụ quản lý

rất quan trọng không thể bỏ qua.

Trước hết sự thay đổi căn bản về nội dung và hình thức của các mối quan hệ kinh tế cũng tạo nên sự thay đổi cách hạch toán. Cho nên sự thay đổi nội dung và hình thức của các mối quan hệ kinh tế như kinh tế nhiều thành phần cùng với nó là sự xuất hiện Công ty TNHH, Công ty Cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân... đòi hỏi phải hoàn thiện công tác hạch toán kế toán để teo kịp sự phát triển và hòa nhập với hệ thống kế toán của các nước trên thế giới. Từ đầu năm 1994 dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng chính phủ, Bộ tài chính đã tiến hành xây dựng hệ thống kế toán áp dụng thống nhất trong cả nước. Như vậy hoàn thiện hệ thống hạch toán kế toán là một việc làm tất yếu và cần thiết.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, doanh thu và xác định kết quả là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu xác định kết quả nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Thực tế, công tác kế toán còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để cho các nhà lãnh đạo điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh để tăng doanh thu, hạ chi phí mặt khác xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

Với những ưu điểm và tồn tại trong quá trình hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA, em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

3.2.2.1. Biện pháp số 1: Hoàn thiện hệ thống tài khoản kế toán của Công ty

a, Sự cần thiết của biện pháp

Trong nền kinh tế thị trường mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là lợi nhuận, do vậy trong quá trình sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp luôn tìm mọi biện pháp để tăng thu nhập và giảm chi phí. Để có thể có những biện pháp hữu hiệu trước hết nhà quản trị phải nắm bắt được những thông tin chính xác về bản thân doanh nghiệp như thu nhập, chi phí trong kỳ sản xuất kinh doanh, từ đó có những phân tích, nhận xét, đánh giá một cách chính xác về hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đưa ra những quyết định đúng nhằm tăng thu nhập và giảm các khoản thu không cần thiết. Hơn nữa công tác hạch toán kế toán phải tuân thủ những nguyên tắc kế toán chung đã được thừa nhận và mang tính bắt buộc. Do vậy việc hạch toán đúng và đầy đủ các chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh là một yêu cầu rất cần thiết đối với bộ phận kế toán.

Trong số tổng chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp thì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp chiếm một tỷ lệ tương đối lớn và có vai trò quan trọng thúc đẩy quá trình sản xuất và tiêu thụ của doanh nghiệp. Tuy nhiên việc hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty chưa được chi tiết. Mặc dù không ảnh hưởng đến kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, song nó cung cấp thông tin không đầy đủ, chi tiết. Từ đó phục vụ không tốt cho việc ra quyết định của nhà quản lý.

Công ty cũng nên theo dõi chi tiết hai khoản mục này để nhà quản lý thấy được trong chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp thì chi phí nhân viên, tài sản cố định, hay chi phí dịch vụ mua ngoài...là nhiều nhất, hiệu quả không cao từ đó đưa ra quyết định cắt giảm hay tăng lên.

Ngoài ra, trong công tác kế toán khoản chiết khấu thương mại, công ty nên sử dụng tài khoản riêng để theo dõi. Nhằm mục đích cho nhà quản lý biết được hàng tháng khoản chiết khấu thương mại là bao nhiêu, khu vực nào hay mua hàng khi công ty thực hiện chiết khấu.

b, Nội dung thực hiện biện pháp

Theo yêu cầu quản lý của Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA thì hai loại chi phí là chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp cần được theo dõi chi tiết. Đồng thời khoản chiết khấu thương mại cũng cần được hạch toán riêng. Do

vậy để đảm bảo việc hạch toán đúng với chế độ quy định và phục vụ kịp thời yêu cầu quản lý của công ty, kế toán nên thực hiện như sau:

- Đối với TK 641: Mở tài khoản chi tiết để theo dõi các khoản chi phí:
 - ✓ TK 6411 – Chi phí nhân viên
 - ✓ TK 6412 – Chi phí vật liệu bao bì
 - ✓ TK 6413 – Chi phí dụng cụ để dùng
 - ✓ TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - ✓ TK 6417 – Chi phí dịch vụ thuê ngoài
 - ✓ TK 6418 – Chi phí khác bằng tiền
- Đối với TK 642: Công ty nên mở hệ thống tài khoản chi tiết như sau:
 - ✓ TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - ✓ TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
 - ✓ TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
 - ✓ TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - ✓ TK 6425 – Thuế, phí, lệ phí
 - ✓ TK 6426 – Chi phí dự phòng
 - ✓ TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - ✓ TK 6428 – Chi phí khác bằng tiền

Đối với tài khoản chiết khấu thương mại mở tài khoản 521 để theo dõi.

Khi mở các tài khoản chi tiết trên khối lượng công việc sẽ tăng lên, công ty nên để một nhân viên kế toán theo dõi vật tư, chuyên một nhân viên đang làm vật tư sang theo dõi chi phí, giao công việc cho 2 nhân viên đang theo dõi công nợ và khuyến mại, theo dõi thêm khoản mục chiết khấu thương mại.

c, Tính hiệu quả của biện pháp

Việc theo dõi, hạch toán chi tiết chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp sẽ phục vụ tốt hơn cho việc ra quyết định của nhà quản lý. Từ đó công ty có thể thấy được và tìm ra biện pháp tiết kiệm những khoản chi phí hợp lý, dẫn tới tăng lợi nhuận cho công ty.

Khi theo dõi khoản chiết khấu thương mại công ty cũng sẽ thấy được hiệu quả của việc chiết khấu đến đâu, khách hàng thích công ty thực hiện chiết khấu với

hàng hóa hay thành phẩm. Từ đó công ty sẽ có chính sách tiêu thụ tốt hơn.

3.2.2.2. Biện pháp số 2: Hoàn thiện công tác định khoản của công ty

a, Sự cần thiết của biện pháp

Khách hàng đến mua hàng tại công ty phải thanh toán ngay, theo nguyên tắc kế toán nên định khoản:

Nợ TK 111

Có TK 511

Có TK 3331

Nhưng kế toán lại định khoản:

Nợ TK 131

Có TK 511

Có TK 3331

Sau đó lại định khoản tiếp:

Nợ TK 111

Có TK 131

Như vậy khi nhìn vào sổ chi tiết hay sổ cái tài khoản 511 ta không thấy được khách hàng nợ bao nhiêu, đã trả bao nhiêu mà cần phải thông báo qua sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 111 hay 131

b, Nội dung thực hiện biện pháp

Kế toán công ty nên theo dõi trên sổ chi tiết 511 trực tiếp khoản tiền thu được từ khách hàng, như vậy khi nhìn trên sổ chi tiết 511 hay sổ cái của tài khoản này có thể thấy được tình hình doanh thu của công ty.

c, Tính hiệu quả của biện pháp

Việc định khoản theo dõi chi tiết số tiền doanh thu thực thu được và doanh thu mà khách hàng còn nợ sẽ rất thuận tiện, chỉ cần xem trên sổ sách tài khoản 511 ta có thể thấy ngay mà không cần thông qua sổ sách của tài khoản công nợ và tiền mặt.

3.2.2.3 Ứng dụng tin học trong công tác hạch toán kế toán tại công ty

a, Sự cần thiết của biện pháp

Công ty đã trang bị một phần mềm kế toán, song phần mềm này hoạt động

không hiệu quả, còn nhiều sai sót, mẫu sổ sách chứng từ không phù hợp với yêu cầu cung cấp thông tin của nhà quản lý và hiệu quả tính toán không nhanh. Vì vậy mọi hoạt động trong công tác kế toán tại công ty hiện nay vẫn sử dụng bằng phần mềm Word và Excel là chính. Công việc đối với mỗi kế toán khá vất vả, đặc biệt là kế toán tổng hợp, cùng một lúc phải làm nhiều công việc và phải làm với một khối lượng chứng từ gốc rất lớn, như vậy khả năng sai sót có thể xảy ra. Đồng thời việc tổng hợp xử lý thông tin và cung cấp thông tin cho nhà quản lý có thể bị chậm.

Vì vậy, để phục vụ cho công tác kế toán tại công ty được tốt hơn, việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý nhanh hơn. Công ty nên trang bị phần mềm kế toán mới.

b, Nội dung thực hiện biện pháp

Theo em, công ty nên đầu tư cho việc mua phần mềm kế toán máy đã lập trình sẵn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty. Mặc dù việc đầu tư phần mềm tốn kém nhưng việc cài đặt, sử dụng phần mềm kế toán máy sẽ đem lại cho công ty nhiều thuận lợi trong công tác hạch toán kế toán.

Để làm được điều này, công ty cần trang bị một số vấn đề sau:

- ✓ Tìm hiểu kỹ trước khi quyết định mua phần mềm kế toán máy, xem phần mềm có phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty không, sử dụng như thế nào, để tránh mua phải một phần mềm không hiệu quả như trước.
- ✓ Các nhân viên kế toán cần được hỗ trợ thêm để nâng cao nghiệp vụ kế toán trên máy vi tính.

c, Hiệu quả của biện pháp

Việc ứng dụng của tin học trong công tác hạch toán kế toán sẽ đem lại cho công ty nhiều thuận lợi như:

- Lắp đặt kế toán máy để cho bộ máy kế toán công ty gọn nhẹ hơn, giảm bớt được khối lượng ghi chép nghiệp vụ kế toán dựa trên thao tác thủ công cũng như giảm bớt được nhân lực.
- Trong quá trình hạch toán kế toán việc ứng dụng tin học giúp cho bộ phận kế toán có thể tập hợp tổ chức, xử lý một khối lượng lớn thông tin với tốc độ nhanh tránh ùn tắc, cung cấp kết quả chính xác kịp thời cho nhà quản lý.

➤ Việc cài đặt phần mềm trong công tác kế toán giúp kế toán viên trong mỗi kỳ hạch toán giảm bớt công việc ghi chép sổ sách bằng tay. Phần mềm kế toán sẽ thực hiện các công tác đó, in ra các báo cáo tài chính một cách chính xác, rõ ràng, mau chóng. Người làm công tác kế toán chỉ thực hiện nhập số liệu ban đầu và điều khiển máy vi tính làm việc theo ý muốn. Đồng thời giúp cho giám đốc nắm bắt được việc thực hiện sản xuất kinh doanh một cách mau chóng nhất.

➤ Phù hợp với yêu cầu quản lý mới.

3.2.2.4. Biện pháp số 04: Tăng nhân viên phục vụ bán hàng

a, Sự cần thiết của biện pháp

Hàng ngày số lượng khách hàng đến lấy hàng tại kho rất đông, nhưng số lượng nhân viên tổ bốc xếp, lái xe nâng phục vụ cho công việc bốc xếp hàng hóa còn thiếu. Nên khách hàng thường phải chờ đợi lâu và mất nhiều thời gian. Nếu trong giờ hành chính chưa xuất hàng cho khách xong, nhân viên phòng bán hàng phải làm thêm giờ để xuất hàng và làm thủ tục cho khách. Kéo theo tổ bảo vệ, tổ cân cũng phải ở lại tăng ca. Dẫn tới hiệu quả công việc không cao, chi phí làm thêm giờ tăng. Vì vậy công ty nên tuyển thêm nhân viên phục vụ khâu bán hàng như nhân viên bốc xếp, lái xe nâng.

b, Nội dung thực hiện pháp

Ban lãnh đạo công ty cùng với phòng nhân sự tổ chức tuyển thêm nhân viên với sự tham khảo ý kiến của những người tiếp xúc với công việc xuất hàng như thủ kho, kế toán kho, hay nhân viên tổ bốc xếp để tuyển thêm số lượng nhân viên cho phù hợp, tránh tuyển thừa người.

c, Hiệu quả của biện pháp

Khi công ty tuyển thêm nhân viên phục vụ bán hàng, công việc bốc xếp hàng hóa thực hiện sẽ nhanh chóng hơn. Khách hàng không phải mất thời gian chờ đợi, công việc được giải quyết trong giờ hành chính rất thuận tiện cho khách hàng, đặc biệt là những khách hàng ở xa. Không những vậy công ty còn giảm được đáng kể chi phí nhân viên làm thêm giờ.

3.2.2.5. Biện pháp số 05: Đa dạng phương thức thanh toán

a, Sự cần thiết của biện pháp

Hiện nay công ty đã cho khách hàng thanh toán qua hai hình thức trả bằng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng. Nhưng đa số khách hàng vẫn thanh toán bằng tiền mặt. Mỗi đợt đi lấy hàng, khách hàng phải đến theo một số tiền lớn, không thuận tiện cho khách hàng ở xa.

Trường hợp khách hàng đến không mang đủ tiền hàng phải có người bảo lãnh như nhân viên tiếp thị thì mới được công ty cho nợ số tiền còn thiếu. Khiến cho khách hàng thấy rất phiền hà. Để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng, làm hài lòng khách hàng thì công ty nên chấp thuận cho khách hàng thanh toán toàn bộ tiền hàng qua chuyển khoản.

b, Nội dung thực hiện biện pháp

Để đa dạng phương thức thanh toán, chấp nhận cho khách hàng thanh toán thông qua chuyển khoản. Công ty cần phải có một nhân viên kế toán làm nhiệm vụ của một kế toán ngân hàng, vì lúc này nghiệp vụ giao dịch từ phía ngân hàng sẽ nhiều hơn. Nhưng công ty cũng không cần tuyển thêm nhân viên mà chuyển một thủ quỹ sang làm nhiệm vụ này. Hiện nay công ty có hai thủ quỹ, nhưng nếu khách hàng chuyển sang thanh toán qua ngân hàng thì nghiệp vụ thu tiền mặt sẽ giảm, cho nên chỉ cần một nhân viên thủ quỹ.

c, Tính hiệu quả của biện pháp

Đa dạng phương thức thanh toán sẽ giúp công ty phục vụ khách hàng tốt hơn, thuận tiện cho khách hàng không phải mang theo một số tiền lớn khi đi lấy hàng. Giảm bớt nghiệp vụ phát sinh tiền mặt, không những vậy trong trường hợp khách hàng lấy hàng ngoài giờ hành chính thì cũng không cần nhân viên thủ quỹ phải ở lại làm thêm giờ làm phát sinh thêm chi phí.

KẾT LUẬN

Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh là một trong những mục tiêu mà bất kỳ một doanh nghiệp nào đã và đang tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng đều quan tâm và muốn đạt được. Để theo dõi hiệu quả của những chính sách kinh tế, theo dõi thành quả của các kỳ sản xuất kinh doanh, tất cả các doanh nghiệp dù quy mô lớn hay nhỏ đều phải tổ chức công tác hạch toán kế toán doanh thu tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh. Điều quan trọng là mỗi công ty tổ chức hạch toán này như thế nào để việc cung cấp thông tin cho nhà quản lý, theo dõi, giám đốc các khoản thu nhập, lợi nhuận của công ty được tốt nhất và phục vụ đắc lực cho việc ra quyết định kinh doanh.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA, thông qua việc tìm hiểu công tác tổ chức hạch toán tại công ty, kết hợp với kiến thức đã được học ở trường giúp em củng cố thêm kiến thức và kinh nghiệm thực tế. Qua đó em đã nhận thức toàn diện hơn về công tác kế toán tại Công ty sản xuất kinh doanh, đặc biệt là công tác kế toán “doanh thu tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh”.

Trên cơ sở tiếp cận với công tác tổ chức hạch toán thực tế tại công ty, em đã có một số biện pháp đề xuất với mong muốn góp phần làm hoàn thiện hơn công tác tổ chức hạch toán kế toán tại công ty. Trước hết trong xu hướng sử dụng công nghệ vào công tác kế toán hiện nay, công ty nên trang bị phần mềm kế toán máy để hạn chế ghi chép làm giảm bớt chi phí quản lý doanh nghiệp, giúp giám đốc nắm bắt được tình hình tại công ty một cách nhanh chóng. Đồng thời với tiện ích của việc thanh toán qua chuyển khoản tại ngân hàng, công ty nên chấp nhận cho khách hàng thanh toán toàn bộ qua chuyển khoản. Không những vậy nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác tiêu thụ sản phẩm công ty cũng nên tăng thêm nhân viên phục vụ khâu bốc xếp hàng hóa.

Do trình độ kiến thức còn hạn chế, thời gian thực tập ngắn nên luận văn của em không thể tránh khỏi những thiếu sót em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của quý thầy cô cùng các bạn sinh viên.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của các thầy

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

cô trong khoa Quản trị, ngành Kế toán – Kiểm toán Đại học dân lập Hải Phòng, Ban giám đốc và các anh chị phòng kế toán tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA. Đặc biệt là Thầy Lê Văn Liên đã tận tình hướng dẫn em trong thời gian thực hiện khóa luận để em có thể hoàn thành tốt luận văn của mình.

Hải Phòng, Ngày Tháng Năm 2011

Sinh viên thực hiện

Đặng Thị Xòe

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1, Chế độ kế toán doanh nghiệp

Quyển 1: Hệ thống tài khoản kế toán

Quyển 2: Báo cáo tài chính chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán

Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

3, Giáo trình tài chính doanh nghiệp

PGS.TS Nguyễn Đình Kiệm, T.S Nguyễn Đăng Năm – Nhà xuất bản tài chính Hà Nội, 2003

4, Sổ sách, chứng từ và các tài liệu khác tại phòng kế toán Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA

5, Các thông tư, quyết định của bộ tài chính và khóa luận các khóa trước.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
PHẦN 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN KẾ TOÁN VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	3
1.1 MỘT VÀI NÉT VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.1.1 Về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp	3
1.1.2. Chi phí liên quan đến tiêu thụ hàng hoá.....	6
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	7
1.1.4. Ý nghĩa, tác dụng của việc xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	8
1.2.1. Vai trò của kế toán bán hàng.....	8
1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán bán hàng	8
1.3. TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU BÁN HÀNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP.....	9
1.3.1. Kế toán hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu	9
1.4. KẾ TOÁN CHI PHÍ TẠI CÁC DOANH NGHIỆP.....	16
1.4.1 Phương pháp xác định trị giá vốn hàng bán và kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.4.2. Kế toán chi phí bán hàng.....	18
1.4.3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19
1.5. KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG	22
1.5.1. Kết quả bán hàng.....	22
1.5.2. Nội dung, yêu cầu xác định kết quả bán hàng	22
1.6. HỆ THỐNG SỔ KẾ TOÁN VÀ HÌNH THỨC KẾ TOÁN SỬ DỤNG TẠI CÁC DOANH NGHIỆP.....	25
1.6.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	25
1.6.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	26
1.6.3. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	26
1.6.4. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ	26

1.6.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
SỔ KẾ TOÁN	28
CHƯƠNG II. CÔNG TÁC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA	29
2.1. Đặc điểm tình hình chung Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA	29
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA ...	29
2.1.2. Chức năng và nhiệm vụ của doanh nghiệp	30
2.1.3. Hình thức tổ chức sản xuất của công ty	31
2.1.4. Đánh giá khái quát hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian qua	34
2.1.5. Phương hướng phát triển của Công ty trong thời gian tới	35
2.2. Thực trạng kế toán doanh thu tiêu thụ, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA	39
2.2.1. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.....	39
2.2.2. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động tài chính tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.....	67
2.2.3. Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả khác tại Công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA	76
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	84
CHƯƠNG III MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA	92
3.1.ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT KINH DOANH, VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA	92
3.1.1. Những mặt đạt được.....	92

3.1.2. Những tồn tại.....	93
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THỨC ĂN CHĂN NUÔI VINA.....	94
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với Công ty Cổ phần thức ăn chăn nuôi VINA.....	94
3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí	95
KẾT LUẬN	102
TÀI LIỆU THAM KHẢO	104